

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	3
TÓM TẮT	4
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	6
I. TỔNG QUAN VỀ FINTECH	7
1.1. Khái niệm Fintech	7
1.2. Dịch vụ Fintech và tài chính toàn diện.....	9
1.3. Công nghệ mới trong tài chính số	9
1.4. Quy định và thúc đẩy dịch vụ tài chính Fintech.....	14
1.5. Fintech và các mục tiêu phát triển bền vững.....	27
II. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH	28
2.1. Cơ sở hạ tầng	28
2.2. Môi trường chính sách và ưu đãi tài chính.....	33
III. CÁC YẾU TỐ CHÍNH ĐẢM BẢO DỊCH VỤ FINTECH CÓ TRÁCH NHIỆM.....	34
3.1. Quy định ứng xử an toàn và thị trường	34
3.2. Fintech và bảo vệ người tiêu dùng	36
IV. CHÍNH SÁCH FINTECH CỦA MỘT SỐ NƯỚC ASEAN VÀ VIỆT NAM	42
4.1. Chính sách Fintech của một số nước ASEAN	42
4.2. Chính sách Fintech của Việt Nam	45
KẾT LUẬN	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	54

LỜI NÓI ĐẦU

Dịch vụ tài chính kỹ thuật số chú trọng đến các công nghệ tài chính đổi mới (Fintech), có thể mang lại lợi ích cho các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ. Một chính sách phù hợp và môi trường pháp lý thuận lợi để phát triển các dịch vụ tài chính kỹ thuật số toàn diện và có trách nhiệm, sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Sự phát triển nhanh chóng của các dịch vụ Fintech ở châu Á - Thái Bình Dương đã giúp các quốc gia vượt qua thách thức trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ tài chính truyền thống và tăng đáng kể khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính. Ngoài ra, Fintech cũng đang làm tăng tốc độ, tính bảo mật và tính minh bạch của các dịch vụ tài chính.

Hệ sinh thái Fintech toàn diện được xem là công cụ quan trọng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tạo sự bình đẳng ở mức cao hơn và giảm nghèo đói. Để xây dựng hệ sinh thái Fintech, các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chính sách phù hợp và các phương pháp tiếp cận hỗ trợ pháp lý. Điều đó có thể giúp phát triển đúng hướng các dịch vụ tài chính toàn diện, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho các nhà cung cấp Fintech mới.

Tổng luận “*Xây dựng chính sách Fintech ở châu Á - Thái Bình Dương*” khái quát những vấn đề liên quan đến Fintech như dịch vụ tài chính Fintech toàn diện và quy định thúc đẩy phát triển dịch vụ này. Việc xem xét xây dựng hạ tầng nền tảng và môi trường chính sách phù hợp, trong đó tính đến các yếu tố hỗ trợ chính sách, hỗ trợ công nghệ và các hoạt động Fintech cụ thể, cũng như đảm bảo dịch vụ Fintech có trách nhiệm rất quan trọng đối với việc phát triển Fintech. Kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong xây dựng chính sách Fintech là tài liệu tham khảo giúp Việt Nam phát triển các dịch vụ tài chính toàn diện đúng hướng, hiệu quả và giảm thiểu rủi ro.

Xin trân trọng giới thiệu!

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

TÓM TẮT

Fintech tác động đến rất nhiều lĩnh vực như ngân hàng, đầu tư, bảo hiểm và các công nghệ quản lý và giám sát. Ngoài ra, các dịch vụ Fintech còn hỗ trợ chuỗi giá trị nông nghiệp, khả năng tiếp cận với y tế, giáo dục và các tiện ích cơ bản, và thậm chí là chính phủ điện tử và các thành phố thông minh.

Khi công nghệ được tích hợp vào các dịch vụ tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính mới xuất hiện, các khung pháp lý và quy định đã được sửa đổi bổ sung để giám sát lĩnh vực đang phát triển này. Để xây dựng một hệ sinh thái Fintech toàn diện và có trách nhiệm, đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ của các chính sách và quy định hỗ trợ. Tám khuyến nghị chính sách dưới đây có thể thúc đẩy các dịch vụ tài chính kỹ thuật số đang phát triển theo những phương thức và tốc độ khác nhau ở châu Á - Thái Bình Dương.

Khung pháp lý

Đảm bảo khung pháp lý phù hợp rất quan trọng đối với môi trường hỗ trợ phát triển và sử dụng các dịch vụ Fintech có trách nhiệm. Khung pháp lý phải xác định cả những trở ngại đối với đổi mới và thích ứng với những rủi ro mới. Khung pháp lý cần cung cấp khả năng dự báo pháp lý để hỗ trợ đầu tư và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cũng như đảm bảo cơ sở pháp lý cho hợp đồng thông minh và chữ ký điện tử.

Xây dựng năng lực quản lý/giám sát

Trước những thách thức của công nghệ mới và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính kỹ thuật số, năng lực quản lý và giám sát phải liên tục được nâng cao. Để hiểu rõ và giám sát sự phát triển của Fintech, nhiều cơ quan quản lý đã triển khai các cách tiếp cận sáng tạo, từ thành lập các văn phòng đổi mới, sử dụng cách tiếp cận thử nghiệm và học hỏi cho đến áp dụng quy định và sandbox.

Hạ tầng nền tảng

Các nhà hoạch định chính sách cần hiểu vai trò và mức độ phát triển của hạ tầng nền tảng trong thị trường và thu hẹp khoảng cách về hạ tầng. Ba yếu tố nền tảng thiết yếu bao gồm nhận dạng, thanh toán kỹ thuật số và hạ tầng chia sẻ dữ liệu.

Hạ tầng chia sẻ dữ liệu có thể mở rộng phạm vi dịch vụ tài chính cũng như trao quyền cho người tiêu dùng và doanh nghiệp, với các quy tắc bảo vệ và quyền riêng tư dữ liệu phù hợp để tạo niềm tin và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm.

Các phương pháp tiếp cận chính để điều chỉnh Fintech

Các cơ quan quản lý cần bám sát những hướng phát triển mới nhất thúc đẩy các dịch vụ tài chính Fintech, bao gồm hiểu được ba cách tiếp cận quy định chính: luật và chính sách hỗ trợ Fintech, điều tiết các công nghệ hỗ trợ và điều tiết các hoạt động Fintech cụ thể.

Ứng xử an toàn và thị trường

Cần hiểu rõ những khía cạnh quan trọng của các phương pháp tiếp cận quản lý thị trường và an toàn đối với tài chính kỹ thuật số. Để bảo vệ tính ổn định của hệ thống tài chính, các cơ quan quản lý cần xử lý các rủi ro như nhau theo cách công bằng; áp dụng các luật và quy định một cách cân xứng; tránh tập trung thị trường và các thông lệ không công bằng; và thúc đẩy tiêu chuẩn hóa, khả năng tương tác và kết nối với nhau một cách an toàn.

Kiến thức tài chính kỹ thuật số

Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết về tài chính kỹ thuật số bằng cách đưa tài chính kỹ thuật số vào các chiến lược phổ cập kiến thức tài chính quốc gia. Tạo niềm tin, tính an toàn và bảo mật rất quan trọng nếu khách hàng chấp nhận các dịch vụ tài chính Fintech.

Cạnh tranh và phối hợp

Các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý cần hỗ trợ cạnh tranh, phối hợp giữa các cơ quan quản lý và đối thoại công - tư. Hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan quản lý và giám sát cũng rất cần thiết trong việc hỗ trợ khung giám sát và quản lý hiệu quả cho tất cả các tổ chức tài chính, bao gồm các nhà cung cấp Fintech mới hoặc nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba.

Bảo vệ tính toàn vẹn

Các hướng dẫn bảo vệ người tiêu dùng đề cập đến những vấn đề đặc biệt liên quan đến Fintech, có thể giúp xây dựng lòng tin của người tiêu dùng, cải thiện khả năng tiếp nhận và sử dụng Fintech. Theo đó, các quy tắc ứng xử thị trường cần được áp dụng để ngăn chặn các hành vi không công bằng và đưa ra các cơ chế phù hợp để khắc phục hậu quả. Các quy định bảo vệ người tiêu dùng có xu hướng đáp ứng các mục tiêu rộng lớn như sau: (i) đảm bảo cho người tiêu dùng có đủ thông tin để đưa ra các quyết định tài chính sáng suốt; (ii) ngăn chặn các hành vi không công bằng của các nhà cung cấp dịch vụ; và (iii) đảm bảo cho người tiêu dùng được tiếp cận các cơ chế truy đòi để giải quyết tranh chấp.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

API	Giao diện lập trình ứng dụng
AI	Trí tuệ nhân tạo
BIS	Ngân hàng thanh toán quốc tế
Blockchain	Chuỗi khối
DNNVV	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
EU	Liên minh châu Âu
FATF	Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính
KYC	Xác minh danh tính khách hàng
GDPR	Quy định bảo vệ dữ liệu chung
P2P	Ngang hàng
POS	Điểm bán hàng kỹ thuật số
QR	Mã phản hồi nhanh
Sandbox	Cơ chế thử nghiệm
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững

I. TỔNG QUAN VỀ FINTECH

1.1. Khái niệm Fintech

Các công ty công nghệ tài chính đang sử dụng phần mềm và thuật toán chuyên dụng trên máy tính cá nhân và ngày càng nhiều trên điện thoại thông minh. Sau đó, các công ty, chủ doanh nghiệp và người tiêu dùng sử dụng Fintech để cải thiện việc quản lý các hoạt động và quy trình tài chính.

Ban đầu, thuật ngữ Fintech được áp dụng cho các hệ thống back-end (back-end là những chức năng hỗ trợ hoạt động như máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu của một trang web hoặc ứng dụng mà người dùng không nhìn thấy được) trong các tổ chức tài chính truyền thống. Tuy nhiên, trong thập kỷ qua, trọng tâm đã chuyển sang các hệ thống front-end (Front-end là giao diện của một trang web, phần người dùng tương tác trực tiếp trên website), dịch vụ hướng đến người tiêu dùng và ngày càng có nhiều người dùng Fintech.

Các dịch vụ Fintech cũng tác động đến rất nhiều ngành và lĩnh vực, bao gồm:

- dịch vụ ngân hàng truyền thống, cũng như các công cụ quản lý tài chính cá nhân;
- dịch vụ đầu tư;
- bảo hiểm; và
- công nghệ quản lý và giám sát (hay còn gọi là regtech và supotech).

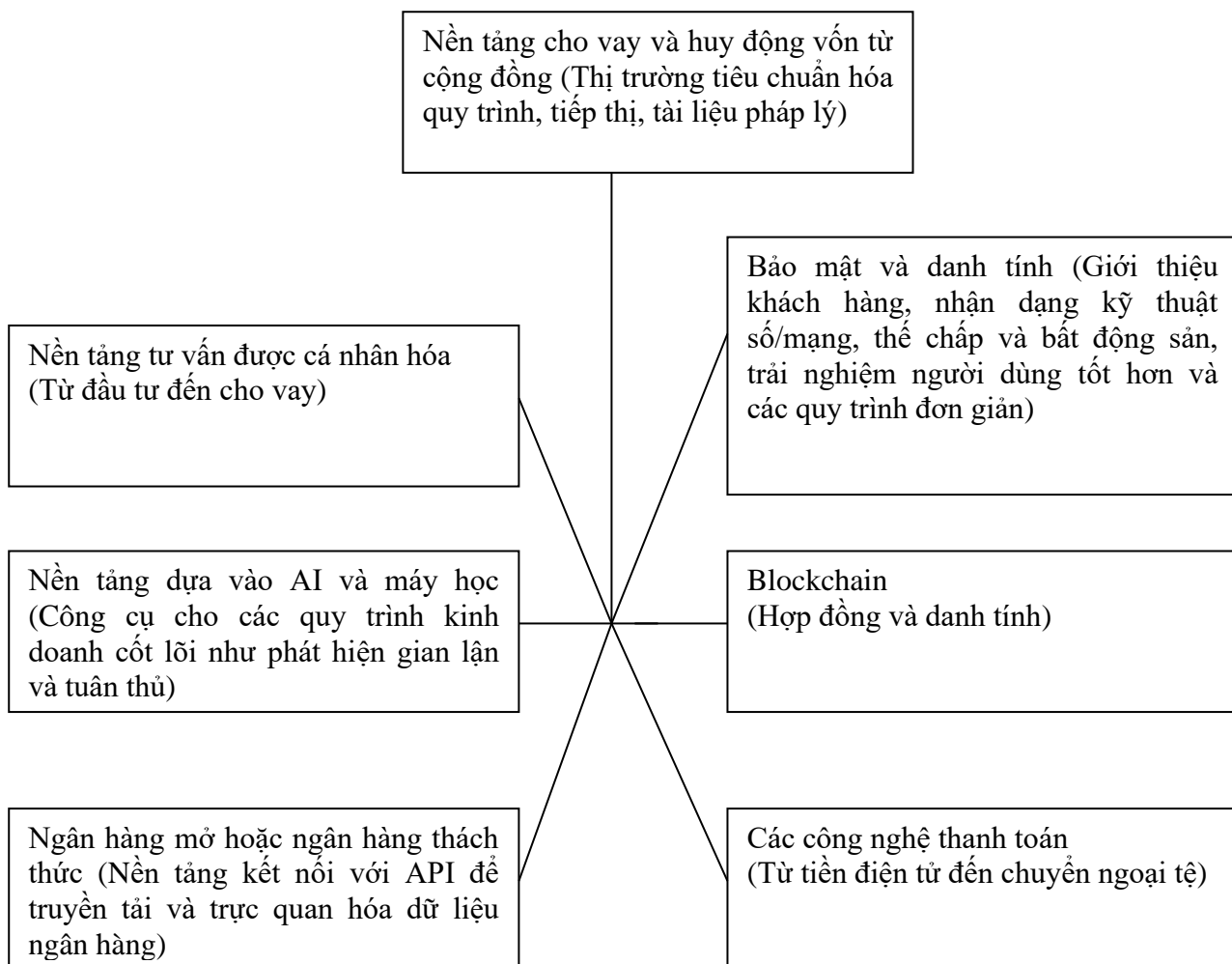
Ngoài ra, các dịch vụ Fintech còn hỗ trợ chuỗi giá trị nông nghiệp, khả năng tiếp cận với y tế, giáo dục và các tiện ích cơ bản, và thậm chí là chính phủ điện tử và hỗ trợ các thành phố thông minh. Hình 1 minh họa các mảng dịch vụ và xu hướng phong phú.

Dịch vụ tài chính sử dụng Fintech gồm có:

- thanh toán (xử lý và mạng);
- ví di động (tiền điện tử) và chuyên tiền;
- đầu tư bán lẻ (cố vấn robo hay cố vấn tài chính tự động);
- quản lý tài sản và cá nhân;
- tự động hóa dịch vụ tài chính;
- thị trường vốn và giao dịch của tổ chức (bao gồm huy động vốn từ cộng đồng);
- cơ sở hạ tầng ngân hàng cốt lõi (các nhà cung cấp dịch vụ “đám mây”);
- các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm kỹ thuật số;
- ngân hàng số (ngân hàng mới, ngân hàng thách thức (challenger bank), ngân hàng mở, giao diện lập trình ứng dụng [API]);
- các nhà cung cấp liên quan đến an ninh, vấn đề gian lận và tuân thủ (an ninh mạng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố);

- tín dụng kỹ thuật số thay thế (thị trường, bảng cân đối kế toán, mô hình kinh doanh ngang hàng (P2P), tài trợ cung ứng/thương mại);
- cho vay bất động sản và thế chấp;
- chấm điểm tín dụng và phân tích dữ liệu;
- công nghệ quản lý và công nghệ giám sát;
- công nghệ bảo hiểm (insurtech);
- dịch vụ điểm bán hàng kỹ thuật số (POS);
- tài sản ảo và tiền điện tử;
- tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương;
- công nghệ chuỗi khối (blockchain) và sổ cái phân tán; và
- công cụ kinh doanh và kế toán kỹ thuật số (bao gồm cả hợp đồng thông minh).

Hình 1.1. Các xu hướng Fintech hàng đầu năm 2020



Nguồn: Ketabachi (n.d.). Hiện trạng ngành công nghiệp FinTech. <https://www.toptal.com/finance/market-research-analysts/FinTech-landscape>.

1.2. Dịch vụ Fintech và tài chính toàn diện

Trước đây, các tổ chức dịch vụ tài chính, đặc biệt là ngân hàng, thường cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ như thanh toán, tín dụng, tiết kiệm và các dịch vụ ngân hàng liên quan. Nhưng giờ đây, nhờ có sự hỗ trợ của Fintech, các sản phẩm và dịch vụ tài chính thường được tách rời và cung cấp riêng lẻ.

Đổi mới thường được phân loại theo hướng:

- Gia tăng (cung cấp nhanh và hiệu quả hơn các dịch vụ hiện có);
- Đột phá (Uber, Amazon); và
- Chuyển đổi/bứt phá (Internet).

Khả năng hợp lý hóa các dịch vụ riêng lẻ của Fintech bằng các công nghệ mới đã cải thiện hiệu quả, giảm chi phí và khiến cho số lượng người tiêu dùng được tiếp cận các dịch vụ tài chính nhiều hơn so với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống. Nhờ vậy, tài chính toàn diện đang được mở rộng hơn so với mức trước đây có thể. Nghiên cứu năm 2016 của Viện Toàn cầu McKinsey ước tính rằng các dịch vụ tài chính kỹ thuật số có thể mở rộng quyền truy cập các tài khoản tài chính chính thức cho 1,6 tỷ người tại các nền kinh tế đang phát triển trên thế giới. Đổi lại, khả năng tiếp cận phạm vi rộng này sẽ giúp tăng thêm 6% tổng sản phẩm quốc nội ở các nền kinh tế mới nổi vào năm 2025.

Do đó, Fintech nên được coi là sự “chuyển đổi” hoặc “tiến hóa” hơn là “đột phá” của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống. Ngoài ra, thay vì thay thế hoặc cạnh tranh với lĩnh vực ngân hàng truyền thống, các ngân hàng đã sử dụng Fintech để thúc đẩy các công nghệ tài chính mới trong lĩnh vực ngân hàng.

Người dùng Fintech được phân thành sáu loại chính như sau:

- Các nhà cung cấp dịch vụ back-end cho ngân hàng và bảo hiểm;
- Doanh nghiệp với doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp (bao gồm cả ngân hàng) với người tiêu dùng;
- Chính phủ với doanh nghiệp, doanh nghiệp với chính phủ, chính phủ với người tiêu dùng, người tiêu dùng với chính phủ;
- Công cụ kinh doanh (bao gồm cả doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)); và
- Công cụ cho người tiêu dùng.

Những tiến bộ trong ngân hàng di động; thông tin, dữ liệu lớn hơn và phân tích chính xác hơn; và khả năng tiếp cận rộng hơn sẽ mở rộng các cơ hội cho sáu phân loại người dùng nêu trên.

1.3. Công nghệ mới trong tài chính số

Các công nghệ mới, chẳng hạn như máy học/trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích hành vi dự đoán, Internet vạn vật (IoT) và các công cụ và phân tích dựa trên dữ liệu có thể cải

thiện khả năng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính và ra quyết định quản lý tài chính cá nhân (Bảng 1.1).

Các ứng dụng “học tập” có thể tiết lộ các hành vi trực tuyến mà chính người dùng có thể không biết. Qua đó, các ứng dụng này cung cấp cho khách hàng các công cụ tài chính tốt hơn để cải thiện quyết định tiết kiệm và chi tiêu tự động, mang tính vô thức của họ, đồng thời cung cấp cho các DNNVV các lựa chọn quản lý kinh doanh hiệu quả hơn.

Fintech cũng sử dụng “chatbot” (hộp trò chuyện) và AI để giúp khách hàng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản và giúp doanh nghiệp giảm chi phí và tăng cường quản lý hàng tồn kho cũng như các dịch vụ kế toán cơ bản.

Ngoài ra, các công nghệ tài chính đang được sử dụng để chống gian lận. Các dịch vụ Fintech khai thác thông tin về lịch sử thanh toán để cảnh báo các giao dịch bất thường. Những công cụ này không chỉ tăng cường việc tuân thủ quy định, chống gian lận và chống rửa tiền mà còn có thể hỗ trợ các cơ quan quản lý.

Trong khi đó, những tiến bộ trong công nghệ quản lý và các công cụ giúp giám sát tài chính thực hiện nhiệm vụ thông qua các công nghệ giám sát mới, đang cải thiện hoạt động giám sát theo quy định.

Những tiến bộ trong hệ thống thanh toán bán lẻ trên quy mô quốc gia tập trung nhiều vào cơ sở hạ tầng có thể tương tác và kết nối, hỗ trợ hướng tới một xã hội sử dụng “ít tiền mặt”. Những tiến bộ về tiền điện tử đã cho phép tạo ra một loạt các tài khoản giao dịch mới, đơn giản, hỗ trợ giá trị lưu trữ và khả năng thanh toán và chuyển tiền tiện lợi hơn.

Các hệ thống back-end mới, đặc biệt là công nghệ đám mây, cũng đang tạo điều kiện thuận lợi cho các dịch vụ ngân hàng. Các ngân hàng kỹ thuật số mới và ngân hàng mở thông qua API đang ngày càng trở thành công cụ để cải thiện hoạt động ngân hàng, đồng thời giúp khai thác và kết nối các nhà cung cấp truyền thống với nhà cung cấp mới.

Nhiều mô hình tài chính và tín dụng kỹ thuật số đã được triển khai, từ các ngân hàng hiện có theo cách trực tiếp hoặc thông qua hợp tác, cũng như các nền tảng tài chính và tín dụng kỹ thuật số phi ngân hàng mới. Các nhà cung cấp tín dụng kỹ thuật số ở châu Á - Thái Bình Dương đang sử dụng ngày càng nhiều nguồn dữ liệu thay thế, chẳng hạn như sử dụng dịch vụ ứng tiền (airtime) và tiền điện tử, thông tin thanh toán giao dịch, bài đăng trên mạng xã hội, phân tích các tương tác trên điện thoại di động như dữ liệu văn bản và liên lạc của người dùng dữ liệu để tăng điểm tín dụng và sử dụng dữ liệu để giám sát khách hàng và cải thiện các bộ sưu tập.

Mã phản hồi nhanh (QR) đang nhanh chóng trở thành một trong những kênh thanh toán di động hiệu quả nhất để thực hiện thanh toán kỹ thuật số trên quy mô lớn với chi phí tương đối thấp so với các lựa chọn thay thế. Nhiều quốc gia ở châu Á đang tích cực thúc đẩy thanh toán dựa vào QR. Hầu hết các quốc gia đang lựa chọn hỗ trợ các tiêu chuẩn mã QR, đặc biệt là các tiêu chuẩn phổ quát do Tổ chức tiêu chuẩn thanh toán (EMVCo) đưa ra.

Bảng 1.1. Đổi mới công nghệ để hỗ trợ các sản phẩm và dịch vụ của Fintech

Đổi mới công nghệ	Mô tả	Tác động đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính Fintech
Điện thoại di động/Kết nối Internet	Điện thoại di động, đặc biệt là điện thoại thông minh và kết nối Internet đã trở thành kênh phân phối chính cho các sản phẩm và dịch vụ tài chính, cho phép các cá nhân và DNNVV thực hiện các giao dịch tài chính mọi lúc, mọi nơi.	Điện thoại di động và kết nối Internet cần cho các sản phẩm và dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Kết nối Internet bằng máy tính cá nhân và điện thoại thông minh đang cải thiện công tác quản lý thông tin và tri thức cho các cá nhân và DNNVV. Dữ liệu Internet và điện thoại di động đang mở rộng “dấu chân kỹ thuật số” có thể được sử dụng để hỗ trợ tốt hơn các sản phẩm và dịch vụ tài chính kỹ thuật số nằm trong mục tiêu.
Điện toán đám mây	Điện toán đám mây cung cấp khả năng lưu trữ trên máy tính, máy chủ và dịch vụ thông qua mạng Internet. Điện toán đám mây loại bỏ gánh nặng xử lý, truy cập và lưu trữ dữ liệu từ các máy chủ và trung tâm dữ liệu của công ty cũng như đưa dữ liệu đó lên các máy chủ từ xa. Thông tin này sau đó có thể được truy cập trên Internet bất cứ khi nào cần thông qua một thiết bị được kết nối.	Điện toán đám mây có thể mang lại những lợi ích to lớn cho các doanh nghiệp lớn và nhỏ như: <ul style="list-style-type: none"> • Tiết kiệm chi phí - các công ty có thể đặt các ứng dụng phần mềm trên đám mây, do đó hạn chế quyền sở hữu tài sản hạ tầng công nghệ thông tin. • Phát triển và triển khai các ứng dụng nhanh hơn - điện toán đám mây giúp giảm đáng kể thời gian đưa sản phẩm ra thị trường trong quá trình phát triển ứng dụng từ vài tháng xuống vài tuần hoặc vài ngày. • Khả năng mở rộng và tính linh hoạt cho phép các công ty nhanh chóng mở rộng quy mô tài nguyên điện toán.
Phân tích dữ liệu lớn	Dữ liệu lớn đề cập đến khối lượng dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc được tạo ra liên tục thông qua các thiết bị khác nhau theo cấp số nhân. Phân tích dữ liệu lớn giúp xác định các mẫu, mối quan hệ và tương tác.	Phân tích dữ liệu lớn mở ra nhiều cơ hội cho DNNVV, giúp nâng cao hiểu biết về quy trình kinh doanh, nhu cầu của khách hàng và đặc điểm chung của thị trường. Ngoài ra, nhờ có phân tích dữ liệu lớn, các ngân hàng, công ty Fintech và các công ty công nghệ lớn sẽ dễ dàng và ít tốn kém trong việc đánh giá mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp.

<p>AI/ Máy học</p>	<p>AI phân tích dữ liệu để mô hình hóa một số khía cạnh của thế giới bằng máy tính và các mô hình học hỏi từ dữ liệu để phản hồi thông minh với dữ liệu mới và điều chỉnh kết quả đầu ra cho phù hợp. Máy học là tập hợp các kỹ thuật và công cụ cho phép máy tính “suy nghĩ” bằng cách tạo ra các thuật toán toán học dựa trên dữ liệu tích lũy.</p>	<p>AI và máy học có thể khai thác giá trị từ khối lượng dữ liệu khổng lồ trong cơ sở dữ liệu của thương nhân, ngân hàng, công ty logistics và các đơn vị khác - kết hợp với các nguồn dữ liệu thay thế - có thể dự đoán theo thuật toán trong việc hướng dẫn quản lý rủi ro để “mở khóa” tài chính cho DNNVV. Các mô hình chấm điểm tín dụng sử dụng AI và máy học phục vụ DNNVV trước đây không có khả năng tiếp cận tài chính.</p>
<p>Công nghệ blockchain/sổ cái phân tán (DLT)</p>	<p>Là một dạng của DLT, blockchain vận hành mạng lưới cơ sở dữ liệu phi tập trung toàn cầu. Blockchain được bảo mật bằng mật mã và hoạt động trên hàng triệu thiết bị mà bất kỳ ai cũng có thể truy cập.</p> <p>Điều quan trọng là việc sử dụng blockchain sẽ loại bỏ nhu cầu chi phí đắt đỏ cho trung gian trong các giao dịch giữa hai bên, do đó giảm đáng kể hoặc thậm chí loại bỏ chi phí giao dịch.</p>	<p>Blockchain có thể giúp các dịch vụ tài chính hướng đến mục tiêu chính là DNNVV theo nhiều cách, từ lấp lỗ hổng tri thức cho khách hàng đến mở rộng thông tin để đánh giá tín dụng và giảm rủi ro cho vay, cũng như tài trợ thương mại.</p> <p>Nhờ có cơ chế duy nhất theo dõi các bước trong quy trình tài trợ thương mại - đơn hàng, hợp đồng, tài liệu, lô hàng, hải quan, giao hàng - Blockchain có thể cải thiện khả năng tương tác giữa các hệ thống không tương thích trước đây, tăng độ chính xác và loại bỏ thặng dư.</p>
<p>Giao diện lập trình ứng dụng (API)</p>	<p>Bằng cách cho phép một chương trình giao tiếp với chương trình khác, API mở ra tiềm năng cho nhiều sản phẩm và dịch vụ sáng tạo được sử dụng bởi hàng triệu người mỗi ngày.</p>	<p>API mở là công nghệ hỗ trợ chính trong sáng kiến của ngân hàng mở, đang chuyển đổi lĩnh vực dịch vụ tài chính và cuối cùng có thể giúp DNNVV chuyển đổi kỹ thuật số bằng cách cho phép các công ty Fintech cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tùy chỉnh cho các doanh nghiệp.</p>
<p>Mã phản hồi nhanh (QR)</p>	<p>Mã QR là loại mã vạch hai chiều cung cấp thời gian đọc nhanh và lưu trữ nhiều thông tin hơn.</p>	<p>Với mã QR, DNNVV không cần phải mua thiết bị đầu cuối thu thập dữ liệu điện tử hoặc thiết bị bán hàng đắt tiền để chấp nhận thanh toán, do đó làm giảm chi phí vận hành.</p> <p>Mã QR cũng cung cấp trải nghiệm người dùng hiệu quả hơn tiền mặt. Người dùng cá</p>

		nhân và DNNVV sử dụng mã QR trong doanh nghiệp không cần được đào tạo về tài chính để sử dụng mã QR trong thanh toán.
Internet vạn vật (IoT)	IoT có liên quan đến hàng tỷ thiết bị vật lý trên toàn thế giới hiện đang được kết nối Internet để thu thập, tạo ra và chia sẻ dữ liệu.	IoT mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp lớn, chẳng hạn như lợi ích về hiệu quả hoạt động, hiểu rõ hơn về khách hàng để cung cấp các dịch vụ nâng cao và theo yêu cầu, đưa ra quyết định sáng suốt hơn và tăng giá trị kinh doanh

*Nguồn: Chính sách toàn cầu cho tài chính toàn diện G20 (2020). Thúc đẩy tài trợ cho DNNVV kỹ thuật số và đổi mới sáng tạo. Washington, DC: International Bank for Reconstruction and Development/World Bank.
https://www.gpfi.org/sites/gpfi/files/saudi_digitalSMe.pdf*

Ngoài ra, các công nghệ mới khác hỗ trợ mở rộng các hình thức bảo hiểm, chẳng hạn như sử dụng chỉ số thời tiết để bảo hiểm cho cây trồng (Hộp 1.1)

Hộp 1.1. Khai thác bảo hiểm cây trồng dựa vào chỉ số thời tiết cho hộ nông dân nhỏ lẻ

Năm 2019, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã hoàn thành thí điểm bảo hiểm cây trồng dựa vào chỉ số thời tiết tại ba huyện ở Bangladesh với sự tham gia của hơn 9.500 hộ nông dân trồng lúa quy mô nhỏ.

Bảo hiểm cây trồng đặc biệt có giá trị do những tác động khó lường của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp. Đây được coi là công cụ thích ứng với khí hậu, cho phép người nông dân lập kế hoạch và dành tiền để sử dụng khẩn cấp khi vụ mùa bất ngờ bị hư hại hoặc bị phá hủy. Ngoài ra, khi sử dụng bảo hiểm cây trồng, nông dân có thể tăng năng suất và thu nhập thông qua đầu tư vào các công nghệ tiên tiến.

Khoản viện trợ không hoàn lại của ADB có những nội dung đổi mới như sau: Ngân hàng di động giải quyết khiếu nại; Hệ thống thông tin quản lý số hóa toàn bộ quy trình bảo hiểm cây trồng; Trạm khí tượng.

- (i) dịch vụ ngân hàng di động thu phí bảo hiểm và thanh toán yêu cầu bồi thường;
- (ii) đưa ra các chỉ số thời tiết để giải quyết khiếu nại mà không cần đánh giá tại chỗ thiệt hại đối với cây trồng do mưa quá nhiều hoặc quá ít; và
- (iii) lắp đặt các trạm khí tượng tự động cung cấp thông tin liên quan đến khí hậu.

Nguồn: ADB (2019), Tương lai của tài chính toàn diện, <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/643831/3rd-asia-finance-forum-conference-proceedings.pdf>.

1.4. Quy định và thúc đẩy dịch vụ tài chính Fintech

Quy định

Khi công nghệ được tích hợp vào các dịch vụ tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính mới xuất hiện, các khung pháp lý và quy định đã được sửa đổi bổ sung để giám sát lĩnh vực đang phát triển này.

Môi trường hỗ trợ pháp lý phù hợp có thể tạo thuận lợi cho sự phát triển có trách nhiệm của Fintech, bao gồm các cách tiếp cận phù hợp, tương xứng và dựa trên rủi ro đối với các quy định và chính sách, cũng như các chính sách và biện pháp giám sát chặt chẽ. Dưới đây là một số chính sách quan trọng ảnh hưởng đến Fintech:

- chống rửa tiền/chống tài trợ cho khủng bố một cách tương xứng,
- các quy định xác minh danh tính khách hàng (KYC) theo từng cấp,
- quy định và hướng dẫn điều hành tiền điện tử,
- quy tắc mở tài khoản từ xa,
- quy định về đại lý (đối với ngân hàng và tổ chức tài chính phi ngân hàng),
- tiếp cận công bằng với công nghệ truyền thông thông tin,
- luật và quy định về hệ thống thanh toán bán lẻ (bao gồm cả những nội dung mới với mã QR được tiêu chuẩn hóa và tầm quan trọng của các hệ thống mở và có thể tương tác),
- các quy định về tài chính mở và kỹ thuật số,
- các quy tắc về công nghệ blockchain và sổ cái phân tán,
- giám sát công nghệ nhúng (technology-embedded),
- cấp phép cho các nhà cung cấp tín dụng kỹ thuật số phi ngân hàng,
- chính sách cạnh tranh,
- bảo mật và giảm thiểu gian lận, và
- quy định bảo vệ người tiêu dùng.

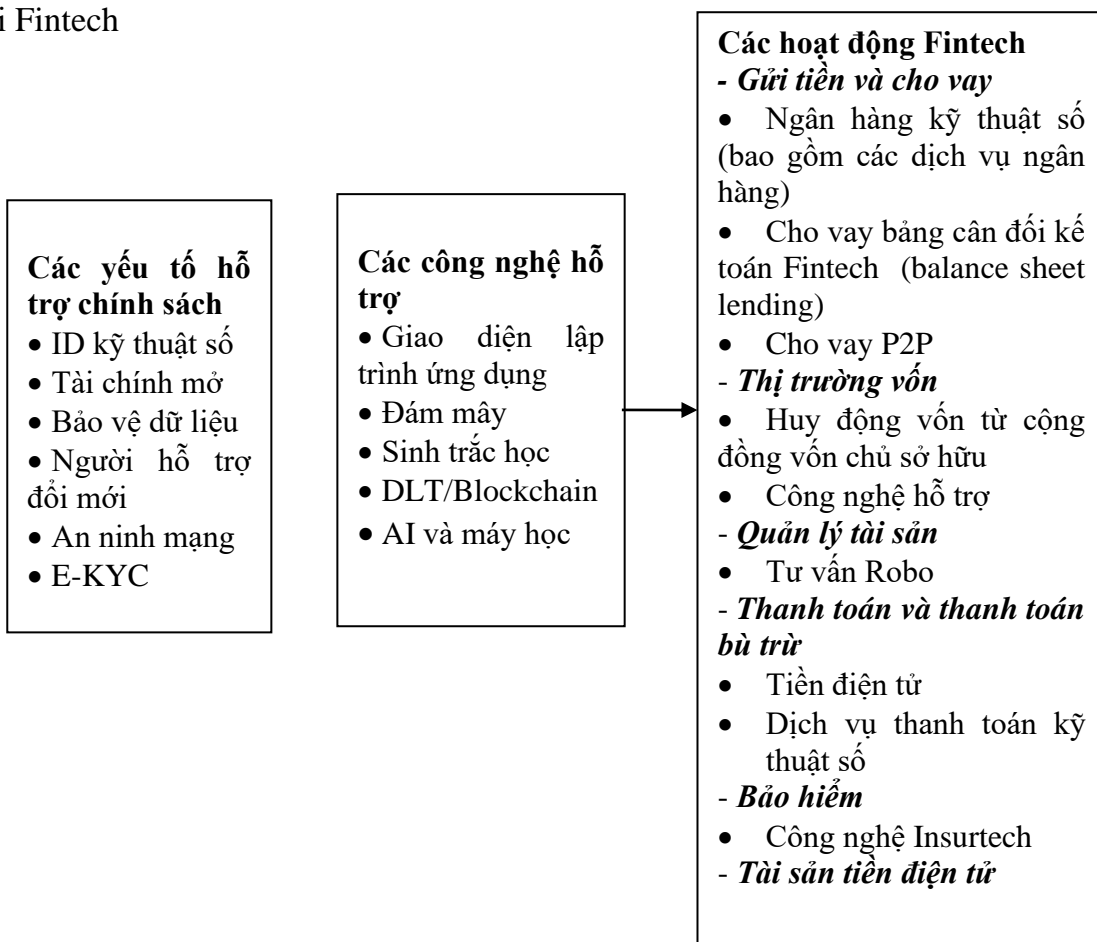
Những rủi ro mới bao gồm thách thức trong việc tăng cường kết nối giữa các hệ thống tài chính và số lượng các nhà cung cấp tài chính ngày càng gia tăng (một số nhà cung cấp hoàn toàn mới đối với hệ thống tài chính), cũng như lỗi công nghệ, lỗi của con người và gian lận.

Theo nghiên cứu của Quỹ Bill & Melinda Gates, lỗi của con người chiếm khoảng 70% rủi ro gây ra cho người tiêu dùng và hành vi sai trái chiếm khoảng 80% rủi ro cho các nhà cung cấp Fintech. Rủi ro thanh khoản/khả năng thanh toán - chủ yếu là khả năng tiếp cận tiền của người tiêu dùng khi họ cần, mà không phải là sự an toàn của các khoản

tiền gửi - là vấn đề chính mà tiền điện tử và các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán mới, cũng như một số mô hình ngân hàng đại lý phải đối mặt.

Các mô hình kinh doanh dựa vào dịch vụ Fintech có sự khác biệt lớn so với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống. Đối với các dịch vụ này, vấn đề quan trọng là các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý phải đảm bảo tạo sân chơi bình đẳng và thuận lợi. Tuy nhiên, muốn vậy, họ cần phải hiểu các mô hình kinh doanh và những ưu đãi mà các nhà cung cấp Fintech trong khu vực tư nhân đang sử dụng. Dựa vào nền tảng tri thức này, các cơ quan thẩm quyền có thể xây dựng các chính sách và quy định “thông minh” nhằm khuyến khích đổi mới, đồng thời mang đến sự an toàn và phù hợp trong hệ thống tài chính. Ví dụ, khi hiểu sâu hơn về các rủi ro tương đối của những giao dịch Fintech khối lượng lớn, giá trị thấp, các cơ quan quản lý có thể thiết kế KYC điện tử (e-KYC) hiệu quả hơn, đơn giản hóa và theo từng cấp, cũng như các yêu cầu thẩm định của khách hàng. Như vậy có thể làm giảm bớt các rào cản gia nhập thường cản trở khách hàng và nhà cung cấp.

Hình 1.2. Tiếp cận chính sách và quy định của Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS) đối với Fintech



Nguồn: Adapted from BIS (2020b) and Subhrendu Chatterji.

Điều quan trọng nữa là các cơ quan chức năng phải đẩy mạnh phát triển một môi trường khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống và dịch vụ Fintech hợp tác và thậm chí xây dựng quan hệ đối tác. Qua đó, họ sẽ cung cấp nhiều loại sản phẩm và dịch vụ tài chính, không chỉ tín dụng, tiết kiệm và thanh toán, mà còn cả kiều hối và bảo hiểm. Căng thẳng có thể nảy sinh, đặc biệt là giữa các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, nhưng các thỏa thuận về phạm vi dịch vụ và hợp tác giữa các bên tham gia là cần thiết để tận dụng cơ sở hạ tầng và năng lực cốt lõi, đồng thời mở rộng dịch vụ tài chính. Quy định về công nghệ tài chính phải theo kịp tốc độ phát triển của các dịch vụ, đặc biệt là trong các quan hệ đối tác mới.

Ngoài ra, các cơ quan quản lý đang đổi mới cách họ tham gia vào lĩnh vực công nghệ tài chính, chẳng hạn như thông qua các văn phòng đổi mới, phương pháp thử nghiệm và học hỏi, cũng như cơ chế thử nghiệm (sandbox).

Thông thường, chính các văn phòng đổi mới có thể thúc đẩy sự tham gia của các cơ quan quản lý và các nhà đổi mới để hỗ trợ đổi mới quy định. Thông qua đối thoại giữa các văn phòng này, mọi người hiểu rõ hơn về những đổi mới tài chính được hỗ trợ bởi công nghệ đang gây tranh cãi và về các phản ứng theo quy định phù hợp nhất. Các văn phòng đổi mới có thể giảm bớt sự bất ổn gây cản trở tiến trình điều chỉnh và chỉ ra cho các nhà đổi mới rằng các cơ quan quản lý đã bày tỏ quan điểm ủng hộ đổi mới. Điều này có thể giúp khuyến khích phát triển Fintech toàn diện.

Do đó, trong số những bài học quan trọng của các văn phòng đổi mới, thì sự tham gia sớm và thường xuyên của các nhà đổi mới là rất quan trọng. Khi có sự “đồng thuận của cấp điều hành” cho việc điều phối liên ngành, có thể cải thiện chức năng và hỗ trợ đắc lực cho các cơ quan quản lý khi họ theo đuổi mục tiêu tài chính toàn diện. Trong khi đó, thông qua các tiêu chí đủ điều kiện, các cơ quan quản lý sẽ ưu tiên phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính trên thị trường mà họ cho là quan trọng để đạt được mục tiêu. Tuy nhiên, chất lượng của các văn phòng đổi mới phụ thuộc vào chất lượng của các nguồn lực như năng lực kỹ thuật của nhân viên.

Các sandbox, trước đây được gọi là phương pháp thử nghiệm và học hỏi, có thể tạo ra “không gian an toàn” cho các nhà cung cấp Fintech thử nghiệm các sản phẩm và dịch vụ, mô hình kinh doanh và cơ chế phân phối mới mà không cần tuân thủ tất cả các yêu cầu quy định thông thường.

Các quốc gia cũng có thể đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái tài chính toàn diện và Fintech bằng cách giải ngân tiền lương và các khoản thanh toán xã hội, cũng như chấp nhận thanh toán điện tử. Khả năng tương tác được coi là quan trọng để hỗ trợ hệ sinh thái Fintech và nên được điều khiển bởi thị trường. Thông qua đối thoại thường xuyên với tất cả các bên tham gia trong khu vực tư nhân, các cơ quan quản lý có thể xác định thời điểm tương tác tốt nhất và luôn nắm bắt những mối quan tâm của các bên tham gia. Thông thường, các bên tham gia quan tâm đến việc thu hồi chi phí đầu tư để trở thành nhà cung cấp Fintech sớm, gia tăng về quy mô hoặc duy trì tính cạnh tranh. Các bên tham gia cũng

mong muốn giữ chân khách hàng và tăng các dịch vụ giá trị gia tăng. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý cho rằng họ cần đóng vai trò tích cực hơn khi các bên tham gia thiếu khả năng tương tác gây cản trở tiến bộ. Sự phát triển của thị trường và mức độ sẵn sàng cạnh tranh của các bên tham gia sẽ quyết định giải pháp được áp dụng.

Chia sẻ giá là một trong những giải pháp khả thi, trong đó nhà đầu tư ban đầu nhận được phần phí hoặc lợi nhuận lớn hơn nhưng có sự ràng buộc về thời gian. Trong khi đó, việc thiết lập một khuôn khổ để các đối thủ cạnh tranh tương tác với nhau, cũng có thể làm tăng tính cạnh tranh. Ngoài ra, việc xây dựng các tiêu chuẩn có thể tạo thuận lợi cho khả năng tương tác, đặc biệt là khi các cơ quan quản lý phát triển hệ thống thanh toán bán lẻ quốc gia hiệu quả hơn và khai thác các công nghệ mới như mã QR (Hộp 1.2).

Việc đưa ra quy định về tài sản ảo và tiền điện tử cũng là một thách thức đối với các cơ quan quản lý. Trong các dịch vụ tiền kỹ thuật số ban đầu hay các đợt phát hành tiền ảo lần đầu (initial coin offerings), các công ty khởi nghiệp cũng phải đối mặt với thách thức khi phải đưa ra phương thức mới huy động vốn từ các nhà đầu tư.

Các dịch vụ tiền kỹ thuật số tiền xu ban đầu không được kiểm soát ở nhiều quốc gia, đã tạo cơ hội cho những trò gian lận và lừa đảo nảy sinh. Thiếu sự giám sát cũng cho phép các doanh nhân “qua mặt” Ủy ban chứng khoán và giao dịch bằng cách ngụy trang các dịch vụ dưới dạng “token tiện ích” (utility token), do đó tránh được các khoản phí và chi phí liên quan. Thực hành kế toán không tốt, thông tin sai lệch và gian lận trắng trợn cũng ảnh hưởng đến nhiều dịch vụ tiền xu ban đầu. Để đối phó với những thách thức, bao gồm cả những lo ngại ngày càng tăng về tài sản tiền điện tử, hầu hết các khu vực pháp lý đã thắt chặt các quy định có liên quan hoặc cấm hoàn toàn.

Hộp 1.2. Tiêu chuẩn mã QR quốc gia cho thanh toán ở Philippines

Cùng với nỗ lực đảm bảo hiệu quả hoạt động của các hệ thống thanh toán nhằm hỗ trợ phát triển nền kinh tế toàn diện, Hội đồng tiền tệ Bangko Sentral ng Philipinas (BSP) đang yêu cầu áp dụng Tiêu chuẩn mã QR quốc gia cho thanh toán. Theo BSP, tiêu chuẩn này là cần thiết để đảm bảo khả năng tương tác của các dịch vụ tài chính và thanh toán được hỗ trợ bởi QR.

Công nghệ QR đã nổi lên như một phương thức tiện lợi và tiết kiệm chi phí nhất để chuyển tiền từ tài khoản này sang tài khoản khác. Mã QR có thể tương tác, đã thu hút sự quan tâm như một giải pháp thay thế cho thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng truyền thống. Mã QR chứa hầu hết thông tin quan trọng như tên tài khoản và số tài khoản được yêu cầu trong hướng dẫn thanh toán. Do đó, mã QR giảm thiểu lỗi mã hóa. Hơn nữa, quét mã sẽ nhanh và dễ dàng hơn là quét thẻ và ký vào phiếu tính phí.

Tiêu chuẩn quốc gia về mã QR được kỳ vọng sẽ khuyến khích nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn tham gia vào hệ thống tài chính. Người bán chỉ cần quét và in các mã mới, sau đó, đưa cho khách hàng quét. Đây là phương thức hợp lý hơn nhiều là đầu tư vào thiết bị thu thập dữ liệu điện tử, chẳng hạn như thiết bị đầu cuối tại điểm bán hàng thường cần có để thanh toán qua thẻ.

Nguồn: BSP (2019)

Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính (FATF) gần đây đã cập nhật hướng dẫn của họ cho các cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách về tất cả các tài sản ảo và nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP), bao gồm tài sản tiền điện tử và sàn giao dịch tài sản tiền điện tử để mở rộng giám sát tài sản tiền điện tử. Các hướng dẫn mới của FATF mang tính toàn diện, yêu cầu các quốc gia cho phép VASP hoạt động, thì phải cấp phép hoặc cấp đăng ký cho VASP theo cách hợp lệ và chịu sự giám sát và theo dõi phù hợp. Hướng dẫn cũng yêu cầu tất cả các VASP phải tuân theo cùng một tiêu chuẩn của FATF áp dụng cho tất cả các tổ chức tài chính.

Ngoài ra, các công nghệ blockchain và việc sử dụng sổ cái phân tán mở ra những phương thức mới để giám sát rủi ro tài chính, chẳng hạn như phương thức mới “giám sát công nghệ nhúng”. Điều này cho phép các cơ quan chức năng tự động theo dõi sự tiến triển thông qua đọc sổ cái thị trường (market’s ledger). Khi đó, các công ty sẽ ít có nhu cầu thu thập, xác minh và cung cấp dữ liệu (Hộp 1.3).

Không có cách tiếp cận đơn lẻ hoặc toàn diện nào có thể giải quyết các vấn đề của ngành Fintech mới nổi. Các dịch vụ đa dạng của ngành đòi hỏi nhiều giải pháp đa dạng. Nhưng đến nay, hầu hết các quốc gia đã sử dụng các quy định hiện có và đôi khi điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu quản lý Fintech cụ thể. Tuy nhiên, Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) trong Liên minh châu Âu (EU) là cách tiếp cận mới. GDPR được thiết kế để quản lý việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân nhằm bảo vệ khách hàng sử dụng nhiều sản phẩm Fintech mới. Một số quốc gia phổ biến các dịch vụ tiền kỹ thuật số ban đầu như Nhật Bản, đã đi đầu trong việc xây dựng các quy định về những dịch vụ đó để bảo vệ các nhà đầu tư.

Mặc dù các quy định để xử lý các mô hình cho vay P2P đã được triển khai ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và EU và hiện nay là ở Indonesia, Trung Quốc và Philippine, nhưng các cơ quan quản lý vẫn hợp tác chặt chẽ với ngành Fintech để xây dựng các quy tắc ứng xử, đáng chú ý là các quy tắc ứng xử của Hiệp hội Người cho vay trên thị trường và Tuyên ngôn về quyền của người vay là doanh nghiệp nhỏ.

Hộp 1.3. Quy định tài chính blockchain của BIS về giám sát công nghệ nhúng

Theo BIS, sự phổ biến của công nghệ sổ cái phân tán áp dụng cho các dịch vụ tài chính có khả năng cải thiện hiệu quả và chất lượng giám sát. “Giám sát công nghệ nhúng” như một khung pháp lý, có thể khuyến khích các thị trường “token hóa” tuân thủ việc giám sát tự động các giao dịch thông qua đọc sổ cái của thị trường. Hình thức giám sát này sẽ làm giảm nhu cầu tự thu thập, xác minh và cung cấp dữ liệu của các công ty. Như vậy, dữ liệu sổ cái phân tán có thể được sử dụng để giám sát việc tuân thủ.

Nguồn: BIS (2019a)

Tại các thị trường như Indonesia, Trung Quốc và Philippine, đã xuất hiện các hành vi đòi nợ trái pháp luật, chẳng hạn như quấy rối khách hàng trên mạng xã hội, làm dấy lên lo ngại về vấn đề bảo vệ người tiêu dùng. Do lo ngại về những rủi ro mà các nhà đầu tư nhỏ lẻ đã phải đối mặt, một số quốc gia đã hạn chế các nền tảng P2P huy động vốn từ các nhà đầu tư cá nhân nhỏ để tránh rủi ro.

Các lĩnh vực trong đó quy định có thể hỗ trợ hệ sinh thái Fintech

Một số phương pháp hỗ trợ phát triển Fintech, bao gồm: (i) điểm truy cập Fintech, (ii) mô hình đại lý, (iii) thiết bị truy cập, (iv) cho vay kỹ thuật số, (v) quy định về đám mây, (vi) các quy định về ngân hàng số, (vii) khuôn khổ tài chính/ngân hàng mở, (viii) thanh toán kỹ thuật số của chính phủ, (ix) thanh toán thương mại kỹ thuật số và (x) hiểu biết về tài chính kỹ thuật số. Bên cạnh đó, một số quốc gia cũng đang thử nghiệm các “trung tâm xuất sắc” (Hộp 1.4)

Điểm truy cập Fintech

Điều kiện tiên quyết để tăng cường sử dụng Fintech là đảm bảo các điểm truy cập Fintech có mặt ở nhiều nơi. Theo khảo sát của Findex, “khoảng cách đến các nhà cung cấp dịch vụ tài chính” là vấn đề quan trọng thứ hai về phía nhu cầu mà người trưởng thành viện dẫn để giải thích lý do họ không có tài khoản tại một tổ chức tài chính (vấn đề quan trọng nhất về phía nhu cầu là chi phí cao và những thách thức liên quan đến việc mở và duy trì tài khoản).

Các quốc gia có hệ thống thanh toán và ngân hàng tiên tiến thường đo lường quyền truy cập thông qua số lượng máy ATM, máy bán hàng tại điểm bán hàng (POS) và thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ được phát hành. Tuy nhiên, do những cải tiến mạnh mẽ đối với các điểm truy cập Fintech như truy cập bằng điện thoại thông minh, nên có khả năng vượt qua các điểm truy cập thanh toán truyền thống.

Hộp 1.4. OJK Infinity (Indonesia)

Tại “các trung tâm xuất sắc” ở một số vùng của Indonesia, các công ty Fintech, cơ quan quản lý, chuyên gia và nhà nghiên cứu đang cùng nhau thảo luận về các xu hướng của ngành, tiến hành nghiên cứu và học hỏi các kỹ năng. Tháng 8 năm 2018, Cơ quan dịch vụ tài chính (OJK) của Indonesia đã thành lập Trung tâm đổi mới công nghệ kỹ thuật số có tên là OJK Infinity với vai trò là trung tâm nghiên cứu Fintech dành cho các chủ doanh nghiệp, doanh nghiệp, quan chức chính phủ và học giả phối hợp cộng tác. Mục đích hướng đến là xây dựng “hệ sinh thái Fintech thân thiện ở Indonesia và khuyến khích tất cả các nhà sản xuất kinh doanh tạo dựng hệ thống tài chính kỹ thuật số mang lại lợi ích cho xã hội”.

OJK Infinity tập trung vào:

- các trung tâm giáo dục,

- phát triển hệ sinh thái tài chính kỹ thuật số,
- ươm tạo Fintech, và
- nguồn thông tin

Nguồn: IndonesiaGO Digital (2019).

Mô hình đại lý

Các mô hình đại lý có thể được tách thành mô hình đại lý ngân hàng và mô hình đại lý phi ngân hàng, trong đó, mô hình đại lý phi ngân hàng tập trung vào các dịch vụ chuyển tiền/rút tiền điện tử. Trong mô hình đại lý ngân hàng, các ngân hàng cung cấp dịch vụ tài chính thông qua các cửa hàng tập hóa, cửa hàng bán lẻ, bưu điện và các đại lý phi ngân hàng khác (Hộp 1.5). Do đó, các ngân hàng có thể mở rộng dịch vụ sang các lĩnh vực mà họ không có động lực tham gia hoặc thiếu năng lực để thành lập một chi nhánh chính thức. Điều này có nghĩa sẽ mang lại lợi ích cho nhiều người “không có tài khoản ngân hàng” sinh sống tại các vùng nông thôn nghèo.

Nhiều quốc gia coi ngân hàng đại lý có tiềm năng cung cấp cho các vùng nông thôn nghèo khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức, với nhiều thành công gặt hái được trong những năm gần đây. Braxin, quốc gia tiên phong được công nhận trong lĩnh vực này, đã thiết lập một mạng lưới ngân hàng đại lý vững mạnh ở hầu hết các thành phố, là tấm gương sáng cho các quốc gia khác ở châu Mỹ Latinh. Tương tự như vậy, các ngân hàng ở châu Phi và châu Á - Thái Bình Dương cũng đang theo mô hình đó.

Các mô hình đại lý phi ngân hàng được cung cấp bởi các tổ chức phát hành tiền điện tử phi ngân hàng, đặc biệt là những công ty cung cấp dịch vụ tiền điện tử di động tại nhiều khu vực ở châu Á. Việc thiết kế và triển khai các mô hình đại lý, cũng như đưa ra quy định, theo dõi và giám sát các hoạt động của đại lý giữa các quốc gia và khu vực có sự khác biệt. Điều này thể hiện rõ nét trong sự đa dạng của các dịch vụ được cung cấp, trong các loại hình doanh nghiệp đóng vai trò là đại lý và trong các tổ chức tài chính hoạt động thông qua các đại lý. Ngoài ra, còn được thể hiện trong các cấu trúc kinh doanh được sử dụng để quản lý các đại lý và khả năng các đại lý bị giới hạn ở các dịch vụ chuyển tiền/rút tiền điện tử hoặc ở phạm vi rộng hơn của các dịch vụ ngân hàng cơ bản. Những khác biệt này góp phần vào thành công của các mô hình đại lý trong việc thu hẹp khoảng cách tài chính toàn diện.

Thiết bị truy cập

Những cải tiến về thiết bị truy cập cũng giúp hoạt động thanh toán và giao dịch tài chính thuận tiện hơn. Tuy nhiên, thẻ thanh toán, thiết bị truy cập được sử dụng phổ biến, đang có sự thay đổi nhanh chóng: từ thẻ nhựa in nổi tên và số được chuyển sang thẻ từ chứa dữ liệu, sang thẻ thông minh gắn chip mạch tích hợp, sang thẻ có kết nối không tiếp xúc và/hoặc đa mục đích (ID, tạo ủy quyền truy cập, thẻ ảo hiện có trên thiết bị di động).

Hộp 1.5. Tác động của ngân hàng đại lý đến tài chính toàn diện ở Malaysia

Tháng 8 năm 2012, ngân hàng Negara Malaysia đã đưa ra một khuôn khổ hoạt động cho ngân hàng đại lý để phục vụ bộ phận dân cư nông thôn không được tiếp cận với các chi nhánh ngân hàng.

Dịch vụ ngân hàng đại lý chỉ giới hạn ở những khu vực người dân Malaysia chưa được phục vụ và phục vụ chưa tốt. Các khu vực phục vụ chưa tốt được xác định dựa vào các mukim (xã hoặc phường) có hơn 2.000 dân hoặc trong trường hợp của Sabah là Dewan Undangan Negeri, nơi có không quá năm điểm truy cập.

Trong giai đoạn đầu của ngân hàng đại lý, chỉ có một số dịch vụ tài chính hạn chế được phép triển khai. Quy mô được mở rộng vào năm 2015 nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng và các đại lý. Năm 2011, chỉ có 46% mukim ở Malaysia được tiếp cận với các dịch vụ tài chính, nhưng 97% đã được tiếp cận 3 năm sau khi dịch vụ ngân hàng đại lý được triển khai.

Như vậy, đây là ví dụ tiêu biểu về việc ứng dụng công nghệ và phối hợp với khu vực tư nhân để mang lại lợi ích cho cộng đồng, đảm bảo thực hiện các mục tiêu như mong đợi thông qua các quy định được thiết kế theo hướng có hiệu quả.

Nguồn: Bhunia (2017)

Tuy nhiên, ở nhiều thị trường mới nổi, điện thoại di động và thiết bị di động như là thiết bị truy cập đang đóng vai trò lớn hơn so với thẻ thanh toán truyền thống. Điện thoại thông minh giá rẻ thậm chí còn cung cấp nhiều cách để hỗ trợ các dịch vụ tài chính kỹ thuật số và hỗ trợ thanh toán bằng mã QR và POS di động, mang đến giải pháp thay thế cho các thiết bị POS truyền thống. Các ki-ốt thanh toán và các thiết bị tự phục vụ khác đang giúp kết nối công nghệ giữa các chi nhánh truyền thống và các nền tảng thanh toán kỹ thuật số hoàn toàn.

Các cơ quan quản lý cần có hiểu biết về những thiết bị khác nhau mà các nhà cung cấp Fintech đang sử dụng và rủi ro bảo mật mà các nền tảng này tạo ra. Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) đã ban hành một số hướng dẫn về tiêu chuẩn, đặc biệt là đối với các dịch vụ tài chính di động.

Cho vay kỹ thuật số

Dữ liệu tạo ra bởi các khách hàng thích nghi nhanh và DNNVV khi họ sử dụng nền tảng thanh toán, mạng xã hội và ứng dụng di động, có thể hỗ trợ đưa ra các quyết định tín dụng của ngân hàng và các nhà cung cấp tín dụng Fintech phi ngân hàng. Các cơ quan báo cáo tín dụng bắt đầu sử dụng dữ liệu thay thế để đánh giá mức độ đáng tin cậy. Việc sử dụng các dịch vụ này có thể làm tăng cơ hội để các cá nhân và DNNVV tiếp cận nguồn tài chính.

Cho vay truyền thống đang biến đổi khi các nhà cung cấp tín dụng kỹ thuật số tự động hóa các nhiệm vụ, bao gồm bảo lãnh phát hành, dịch vụ cho vay hoặc tuân thủ quy định. Điều này làm giảm giá dịch vụ tài chính và giảm thời gian cần để phục vụ người dùng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ. Ngoài ra, thông tin bất cân xứng đang giảm bớt và các nguồn thông tin mới đánh giá rủi ro tín dụng đang xuất hiện khi các công ty chuyển đổi ngày càng nhiều sang sử dụng dữ liệu thay thế, phân tích dữ liệu nâng cao và AI.

Tuy nhiên, việc thúc đẩy sử dụng dữ liệu thay thế và cho vay phi ngân hàng đi kèm với những thách thức, cần được tính đến khi xác định các chính sách khuyến khích sử dụng dữ liệu thay thế để tăng tín dụng kỹ thuật số, bao gồm:

Cải thiện tính sẵn có và độ chính xác của dữ liệu thay thế. Khi xem xét các nguồn dữ liệu khác nhau được sử dụng để phân tích điểm tín dụng, cần phải đảm bảo tính chính xác của thông tin để chia sẻ cho các cơ quan cung cấp thông tin tín dụng. Hơn nữa, quyền truy cập vào hệ thống ID kỹ thuật số cho người dùng cá nhân và DNNVV là điều quan trọng.

Các nhà chức trách cũng có thể khuyến khích tự động hóa thu thập dữ liệu để mở rộng tính khả dụng và nâng cao chất lượng, đảm bảo dữ liệu được cập nhật và có thể truy cập. Điều này đặc biệt đúng với các nguồn dữ liệu của chính phủ như nộp thuế, đăng ký công ty và các lịch sử thanh toán khác của chính phủ. Ngoài ra, việc làm này có thể mở rộng phạm vi dữ liệu kỹ thuật số cho các cá nhân và DNNVV.

Mở rộng phạm vi bao phủ của các nhà cung cấp dịch vụ báo cáo tín dụng, cũng như cho phép trao đổi dữ liệu xuyên biên giới có trách nhiệm. Để khối lượng dữ liệu khổng lồ mang lại lợi ích và tăng khả năng tiếp cận tài chính cho người dùng cá nhân và DNNVV, cần mở rộng chia sẻ thông tin tín dụng từ các nhà cung cấp dịch vụ báo cáo tín dụng để cho phép sử dụng dữ liệu thay thế và mở rộng phạm vi của các nhà cung cấp tín dụng truy cập các dịch vụ báo cáo tín dụng.

Các cơ quan quản lý tại một số thị trường đang mở rộng phạm vi các nhà cung cấp dịch vụ tài chính báo cáo và chia sẻ dữ liệu tín dụng, cũng như thúc đẩy sử dụng rộng rãi dữ liệu thay thế của các nhà cung cấp dịch vụ báo cáo tín dụng. Điều này bao gồm đẩy mạnh chia sẻ thông tin giữa các nhà cung cấp này và/hoặc sử dụng các nền tảng dữ liệu mở với các kho lưu trữ dữ liệu khác (như hồ sơ tòa án, đăng ký công ty và đăng ký tài sản thế chấp).

Về trung hạn, việc xây dựng các tiêu chuẩn để khuyến khích chia sẻ có trách nhiệm dữ liệu kỹ thuật số xuyên biên giới cũng rất quan trọng. Các rào cản đối với việc chia sẻ dữ liệu có thể bắt nguồn từ các quy định và định dạng khác nhau, đồng thời ID kỹ thuật số tiêu chuẩn cho người dùng cá nhân và DNNVV cũng cần được giải quyết để cho phép sử dụng chia sẻ thông tin kỹ thuật số xuyên biên giới. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách trong khu vực trong việc cải thiện khả năng so sánh và đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu kỹ thuật số chia sẻ giữa các quốc gia là rất cần thiết.

Lực lượng đặc nhiệm của BIS về chia sẻ dữ liệu và các tổ chức khác đặt ra các tiêu chuẩn có thể giúp thúc đẩy hợp tác và khuyến khích điều phối.

Thiết lập các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm. Các công ty công nghệ tài chính đã khai thác AI - kết hợp với dữ liệu truyền thống và dữ liệu thay thế - để phát triển các mô hình đánh giá tín dụng rất tinh vi có thể đánh giá khả năng và mức độ sẵn sàng chi trả của khách hàng. Cho đến nay, một số mô hình thay thế này đã được chứng minh có độ chính xác cao. Tuy nhiên, số khác lại gây gia tăng lo ngại về những sai lệch tiềm ẩn và không thể giải thích được các kết quả.

Các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý có thể xem xét xây dựng các nguyên tắc hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm. Các cơ quan quản lý ở nhiều nơi đã bắt đầu công bố các phương pháp chung để sử dụng AI và các hướng dẫn cụ thể hướng đến lĩnh vực tài chính này.

Về nguy cơ sai lệch tiềm ẩn của dữ liệu được sử dụng trong các mô hình rủi ro tín dụng, một lý do quan trọng dẫn đến tình trạng này là các thuật toán học máy AI được đào tạo với các bộ dữ liệu không bao gồm tất cả các mức thu nhập hoặc loại hình công ty (trong trường hợp của DNNVV đi vay). Ví dụ, để giải quyết vấn đề này, vào tháng 4 năm 2019, EU đã công bố các hướng dẫn về đạo đức AI, sẽ dẫn đến các đề xuất pháp lý tiếp theo.

Cơ quan tiền tệ Singapore cũng đã đưa ra các Nguyên tắc thúc đẩy tính công bằng, đạo đức, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong việc sử dụng AI và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực tài chính của Singapore.

Trong thập kỷ qua, những người cho vay Fintech thay thế phi ngân hàng đã tạo được đà tăng trưởng đặc biệt cao ở một số quốc gia, cung cấp một nguồn tài trợ mới cho các cá nhân và DNNVV chưa được tiếp cận với ngân hàng. Sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng cho vay kỹ thuật số phi ngân hàng đã làm nảy sinh các vấn đề liên quan đến lỗi nền tảng và các hoạt động lừa đảo. Tuy nhiên, theo một cuộc khảo sát gần đây do Ngân hàng thế giới và Trung tâm tài chính thay thế Cambridge (CCAF) thực hiện, chỉ có 22% khu vực pháp lý chính thức quy định các bên cho vay thay thế phi ngân hàng.

Trong một số trường hợp, các nhà cung cấp và nền tảng cho vay thay thế phi ngân hàng đã được đề cập trong các quy định hiện hành, bị cấm hoặc đang hoạt động mà không có sự giám sát của cơ quan quản lý. Khi tiến hành cải cách quy định hoặc soạn thảo quy định mới, ít nhất cần xem xét các lĩnh vực sau: đăng ký, cấp phép và báo cáo, bảo vệ nhà đầu tư và luật chứng khoán, thanh toán bù trừ (clearing settlement) và phân tách tiền của khách hàng, yêu cầu về vốn, bảo vệ dữ liệu, phân tích tín dụng và bảo lãnh phát hành.

Quy định về đám mây

Môi trường pháp lý sử dụng công nghệ điện toán đám mây để hỗ trợ các dịch vụ tài chính đã thay đổi đáng kể trong vài năm qua. Công nghệ đám mây đã phát triển nhanh chóng cùng với những cải tiến về các tính năng và khả năng kiểm soát bảo mật đám mây.

Các cơ quan quản lý tài chính thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đã phê duyệt và mở rộng các quy định xoay quanh điện toán đám mây.

Từ góc độ quy định, cần phải hiểu và chú ý đến bốn khía cạnh quan trọng của hoạt động đám mây, khi các cơ quan quản lý điều chỉnh các chính sách phát triển điện toán đám mây. Dưới đây là bốn khía cạnh quan trọng:

- Thuê ngoài (outsourcing). Các nghĩa vụ rõ ràng theo hợp đồng cần đề cập đến các quy định về dữ liệu, quyền kiểm toán, chiến lược rút lui, rủi ro tập trung, các chỉ số hiệu suất chính của nhà cung cấp dịch vụ và tiến hành đánh giá việc thuê ngoài.

- Giảm thiểu rủi ro hoạt động. Cần xử lý rủi ro hệ thống trong các lĩnh vực như tính liên tục trong kinh doanh, khắc phục thảm họa, bảo mật, dữ liệu, cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ và khả năng chứng minh các tổ chức tài chính nhận thức được rủi ro và đang giảm thiểu những rủi ro này.

- Quản trị nội bộ. Trước khi triển khai các giải pháp, các tổ chức được yêu cầu để đảm bảo rằng các diễn đàn quản trị nội bộ, ủy ban rủi ro, ủy ban hoạt động địa phương và ủy ban điều hành địa phương trong tổ chức phê duyệt giải pháp và đánh giá trước khi có sự chấp thuận theo quy định.

- Mô hình vận hành rủi ro. Phải có chức năng rủi ro liên tục để đảm bảo tuân thủ thường xuyên các quy định theo hợp đồng.

Quy định về ngân hàng số

Kể từ năm 2014, mức độ thâm nhập của ngân hàng số đã tăng từ 150% lên 300% trên khắp các thị trường mới nổi ở châu Á - Thái Bình Dương. Tỷ lệ khách hàng sử dụng ngân hàng số đã tăng gấp đôi trong giai đoạn này và khoảng 52% khách hàng của các ngân hàng tại đô thị ở các quốc gia châu Á mới nổi hiện đang sử dụng dịch vụ ngân hàng số. Ở châu Á, hơn 700 triệu người tiêu dùng thường xuyên sử dụng ngân hàng số. Đại dịch COVID-19 hiện nay cũng đã khiến mọi người quan tâm hơn đến ngân hàng số, qua đó, thúc đẩy sự tăng trưởng trong lĩnh vực này.

Nhiều cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách ở châu Á đang xây dựng các quy định hỗ trợ các hình thức mới của ngân hàng ảo hoặc kỹ thuật số. Điều đó mang lại sự tiện lợi, dễ dàng và nhanh chóng, đặc biệt là đối với người tiêu dùng kỹ thuật số thế hệ mới thích giao dịch ngân hàng qua điện thoại di động. Khách hàng của ngân hàng số có thể thực hiện giao dịch ngân hàng mọi lúc, mọi nơi mà không cần đến các chi nhánh (Hộp 6). Ngoài ra, vì các ngân hàng số có chi phí đầu tư thấp hơn nên họ có thể đưa ra mức lãi suất cao hơn cho tài khoản tiết kiệm và phí thấp hơn, đồng thời xử lý khoản vay nhanh hơn.

Ngân hàng mở/khuôn khổ tài chính

Bằng cách sử dụng ngân hàng mở và API, bên thứ ba có thể kết nối với ngân hàng và truy cập dữ liệu khách hàng thông qua các giao thức được tiêu chuẩn hóa, cho phép các

công ty Fintech cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới, cũng như tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Điều đó cũng đang góp phần vào nỗ lực hợp tác đổi mới, tạo ra các hệ sinh thái mới và sử dụng dữ liệu thông minh hơn.

Do các tổ chức tài chính phi ngân hàng đóng vai trò quan trọng nên hiện nay ngoài ngân hàng mở, còn có xu hướng và nhu cầu hỗ trợ các khuôn khổ tài chính mở. Xu hướng mới này mở rộng phạm vi người chơi tài chính chia sẻ dữ liệu và bao gồm các công ty như công ty bảo hiểm, cũng như các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán lớn hoặc công ty phát hành tiền điện tử, nhà cung cấp thương mại điện tử và thậm chí cả các công ty tiện ích.

Hộp 1.6. Các ngân hàng chỉ sử dụng Internet để thay đổi bối cảnh tài chính ở Hàn Quốc

Việc chuyển đổi từ tài chính truyền thống sang tài chính kỹ thuật số có thể giúp thúc đẩy tài chính toàn diện bằng cách giảm chi phí cho các dịch vụ tài chính ngay cả trong môi trường tài chính được quản lý chặt chẽ. Đó là trường hợp ở Hàn Quốc, nơi hai ngân hàng chỉ sử dụng Internet đã nổi lên để thách thức ngân hàng truyền thống.

Các quốc gia khác mong muốn thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính hoặc mở rộng dịch vụ tài chính đến các khu vực chưa được phục vụ đầy đủ và những người không thể tới các ngân hàng truyền thống, có thể học hỏi kinh nghiệm của Hàn Quốc về loại hình ngân hàng này.

Nguồn: Kim (2016)

Tuy nhiên, còn quá sớm để đưa ra kết luận vì nhiều quy định về ngân hàng mở và tài chính mở hiện nay chỉ mới có hiệu lực từ năm 2018. Mặc dù không có mô hình hoặc giải pháp duy nhất nào cho các khuôn khổ tài chính mở và ngân hàng mở, nhưng một số tiêu chuẩn hiện đang được xây dựng, có thể hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý xây dựng một lộ trình cụ thể. Các tiêu chuẩn mới này sẽ giúp tạo ra một hệ sinh thái hỗ trợ trao đổi dữ liệu an toàn giữa các ngân hàng và nhà cung cấp dịch vụ tài chính khác, cũng như bên thứ ba.

Các mô hình có thể khác nhau về cách tiếp cận và phạm vi, nhưng các tiêu chuẩn và nguyên tắc chung hiện đang được phát triển và sử dụng tại một số thị trường. Các cơ quan quản lý đang phối hợp chặt chẽ với các nhóm công tác trong ngành để triển khai hoạt động quản lý theo hướng có trách nhiệm. Những nỗ lực quản lý ban đầu tập trung xác định các khung API được tiêu chuẩn hóa, xây dựng các cơ quan và quy tắc quản trị, tăng cường bảo mật, phát triển cơ sở hạ tầng, thiết lập các phương pháp xác thực, đảm bảo các thỏa thuận trách nhiệm pháp lý và xây dựng các tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng và quyền riêng tư dữ liệu.

Phân tích các khuôn khổ hiện nay và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh địa phương và sự phát triển của quốc gia có thể là cách tiếp cận đầu tiên để xác định khuôn khổ tài chính mở hoặc ngân hàng mở. Ngay cả khi cách tiếp cận với ngân hàng mở hoặc tài chính mở là do cơ quan quản lý định hướng, thì việc tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính và Fintech là phù hợp để đảm bảo việc chấp nhận và triển khai áp dụng chung các tiêu chuẩn. Ngoài ra, việc hướng tới các tiêu chuẩn tài chính mở trên phạm vi quốc tế được kỳ vọng sẽ dẫn đến khả năng tương tác hiệu quả hơn trong khu vực và tiếp đến là ở tầm quốc tế.

Cuối cùng, các cơ quan quản lý có thể xem xét mở rộng quyền truy cập dữ liệu của khách hàng vào các lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực tài chính, chuyển từ ngân hàng mở sang các nền kinh tế mở, giúp tăng cường hệ sinh thái dựa trên dữ liệu và tạo ra một sân chơi bình đẳng.

Thanh toán kỹ thuật số của chính phủ

Các chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hệ sinh thái Fintech toàn diện. Bên cạnh vai trò điều phối chính, việc chính phủ sử dụng thanh toán kỹ thuật số là rất quan trọng để xây dựng niềm tin và thúc đẩy khối lượng giao dịch. Việc thanh toán không chỉ được thực hiện giữa các cơ quan chính phủ mà còn với các cá nhân và doanh nghiệp.

Thanh toán kỹ thuật số của thương gia

Mô hình định giá khả thi và phí chấp nhận (acceptance fee) đủ thấp là cần thiết để khuyến khích thương gia và DNNVV sử dụng thanh toán kỹ thuật số. Điều này đặc biệt quan trọng đối với DNNVV và các nhà bán lẻ không chính thức muốn chấp nhận thanh toán kỹ thuật số, dù là trực tiếp hay trực tuyến. Để thúc đẩy thanh toán kỹ thuật số, các cơ quan quản lý có thể xem xét khuyến khích phát triển Fintech, đặc biệt là các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, nhằm giới hạn phí giao dịch của người bán.

Trong số các ưu đãi cho mức độ chấp nhận cao hơn, có ưu đãi không cho phép tính phụ phí đối với các giao dịch mà cuối cùng có thể được chuyển cho người bán hoặc thậm chí trợ cấp chi phí chấp nhận trong giai đoạn phát triển ban đầu. Ngoài ra, việc tăng cường tính minh bạch của thị trường thông qua công bố phí giao dịch, tỷ giá và các khoản hoa hồng khác sẽ dẫn đến thị trường hoạt động hiệu quả hơn và khuyến khích áp dụng thanh toán kỹ thuật số.

Một số quốc gia cũng đã thành công trong việc sử dụng các ngưỡng giới hạn trên đối với các giao dịch tiền mặt thanh toán một lần của người tiêu dùng. Tuy nhiên, những thách thức vẫn còn ngay cả đối với lĩnh vực thương mại điện tử có tỷ lệ lớn các giao dịch vẫn sử dụng tiền mặt khi giao hàng. Những tiến bộ và kinh nghiệm thanh toán kỹ thuật số ở Trung Quốc cho thấy tiềm năng đối với các quốc gia khác ở châu Á.

Kiến thức tài chính kỹ thuật số

Các công cụ hiểu biết về tài chính, đặc biệt là những công cụ nâng cao nhận thức và sử dụng các dịch vụ tài chính kỹ thuật số, có thể tăng cường việc áp dụng. Các công cụ hiệu quả nên cung cấp những hướng dẫn đơn giản về cách thức hoạt động của các dịch vụ tài chính kỹ thuật số với thông tin rõ ràng về lợi ích và rủi ro. Một số quốc gia đang sử dụng chatbot.

Liên quan đến hiểu biết tài chính là nhu cầu về một khuôn khổ tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm các khía cạnh độc đáo của dịch vụ tài chính kỹ thuật số và thiết lập các quy định rõ ràng và thống nhất để bảo vệ quỹ tiêu dùng. Ngoài ra, cần có các cơ chế xử lý và tiếp cận thông tin để tạo lòng tin và hỗ trợ áp dụng các dịch vụ tài chính kỹ thuật số, đồng thời, thúc đẩy hệ sinh thái Fintech.

Cuối cùng, phí tiêu dùng không nên cản trở việc sử dụng các dịch vụ tài chính kỹ thuật số, nhưng phải ở mức hợp lý. Các biện pháp như giảm giá, ưu đãi hoàn tiền, phần thưởng hoặc chương trình khách hàng thân thiết có thể được xem xét để hỗ trợ, đặc biệt là đối với các sáng kiến do chính phủ tài trợ.

1.5. Fintech và các mục tiêu phát triển bền vững

Tài chính toàn diện là trọng tâm của các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) vào năm 2030 và được đề cập ở mục tiêu số 8 trong số 17 SDG. Còn trong SDG 17, về tăng cường các phương tiện thực hiện, tài chính toàn diện được kỳ vọng có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bằng chứng cho thấy mở rộng tài chính toàn diện có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ngay cả khi nó góp phần vào nỗ lực thực hiện SDG. Ví dụ, một báo cáo gần đây của Viện Toàn cầu McKinsey chỉ ra rằng tài chính kỹ thuật số đang mang lại lợi ích cho hàng tỷ người nhờ tác động có thể đến tăng trưởng toàn diện, vốn sẽ đóng góp 3,7 nghìn tỷ USD vào tổng sản phẩm quốc nội ở các nền kinh tế đang phát triển trong khoảng thời gian 10 năm.

Tác động tiềm năng của các dịch vụ tài chính di động đến nghèo đói cũng rất lớn. Nhà cung cấp tiền di động của Kenya, M-Pesa, đã giúp nhiều hộ gia đình thoát nghèo bằng cách tăng khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tiền điện tử di động. Một nghiên cứu gần đây cho thấy các dịch vụ tài chính đã làm cho đời sống kinh tế của phụ nữ nghèo và các thành viên của các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ trở nên khấm khá hơn.

Tài chính toàn diện cũng đang giúp ổn định các hệ thống tài chính và nền kinh tế, huy động các nguồn lực trong nước thông qua tiết kiệm quốc gia và tăng nguồn thu của chính phủ thông qua thu thuế hiệu quả hơn.

II. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH

2.1. Cơ sở hạ tầng

Hạ tầng nhận dạng

Tại nhiều quốc gia, việc tiếp cận các dịch vụ tài chính bị cản trở nghiêm trọng do thiếu hạ tầng nhận dạng (ID). Khả năng các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truy cập đầy đủ vào hạ tầng ID có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính toàn diện và giảm thiểu rủi ro gian lận, đồng thời khuyến khích tuân thủ các quy định về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố (AML-CTF). Công nghệ nhận dạng kỹ thuật số và sinh trắc học cũng có thể giúp các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đưa ra quyết định sáng suốt hơn. Tại một số thị trường chính, đã có bước phát triển hạ tầng ID triển vọng như tích hợp hạ tầng thanh toán với hạ tầng ID để tăng hiệu quả thanh toán và tạo lịch sử thanh toán kỹ thuật số để chấm điểm tín dụng. Hệ thống ID Aadhaar ở Ấn Độ và ID kỹ thuật số do Cơ quan đăng ký và cơ sở dữ liệu quốc gia của Pakistan cấp là những ví dụ điển hình. Cả hai hệ thống đều có ưu và nhược điểm mà các nhà hoạch định chính sách phải cân nhắc.

Đáng chú ý, Ngân hàng thế giới và các tổ chức khác đang nghiên cứu các tiêu chuẩn ID kỹ thuật số mà chính phủ và các nhà hoạch định chính sách nên xem xét khi họ phát triển hệ thống ID kỹ thuật số quốc gia. Ngân hàng thế giới đưa ra hướng dẫn để xúc tiến các hệ thống ID toàn diện và mạnh mẽ, đồng thời những nguyên tắc này tạo thuận lợi cho việc nhận dạng khách hàng trong các dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Khi phát triển các hệ thống ID kỹ thuật số quốc gia, các quốc gia nên hỗ trợ đảm bảo khả năng tiếp cận và phù hợp toàn cầu; loại bỏ các rào cản đối với việc truy cập và sử dụng; và đảm bảo rằng cơ sở dữ liệu nhận dạng chắc chắn, an toàn, có trách nhiệm (thu thập và chỉ sử dụng thông tin cần thiết cho mục đích rõ ràng của hệ thống) và bền vững.

Tại những quốc gia có hệ thống ID quốc gia nhất quán và hiệu quả, ID cũng có thể được sử dụng để nhận diện DNNVV (Hộp 2.1). Tuy nhiên, khi ID không tồn tại hoặc không đáng tin cậy, các lựa chọn thay thế cần được xem xét, chẳng hạn như số an sinh xã hội, mã số thuế hoặc các số ID khác được tạo thông qua phối hợp với cơ quan quản lý tài chính hoặc cơ quan đăng ký tín dụng.

Dữ liệu cũng có thể được cải thiện bằng cách xác định tư cách pháp nhân bằng một mã định danh toàn cầu, duy nhất. Đây là một phần quan trọng trong nỗ lực thu thập dữ liệu tài chính hiệu quả hơn, đặc biệt là hỗ trợ các giao dịch xuyên biên giới. Ủy ban ổn định tài chính (FSB) đã công bố sáng kiến “Mã định danh pháp nhân toàn cầu” cho thị trường tài chính, trong đó đưa ra 15 nguyên tắc cấp cao của hệ thống định danh pháp nhân toàn cầu và 35 khuyến nghị phát triển hệ thống ID duy nhất cho các bên tham gia giao dịch tài chính. Đối với DNNVV, các quốc gia nên xem xét áp dụng khung pháp lý về đăng ký công ty hoặc sử dụng Mã định danh pháp nhân do Hệ thống pháp nhân toàn cầu G20 cung cấp để kết nối dữ liệu từ các nguồn khác nhau nhằm tăng độ chính xác của dữ liệu được liên kết.

Hạ tầng thanh toán

Thông thường, các công ty tìm cách tiếp cận các dịch vụ tài chính kỹ thuật số thông qua thanh toán kỹ thuật số. Hạ tầng thanh toán kỹ thuật số là yếu tố ban đầu quan trọng hỗ trợ thúc đẩy chương trình tài chính toàn diện. Cơ sở hạ tầng thanh toán toàn diện sẽ dẫn đến các dịch vụ thanh toán có thể tiếp cận bất kỳ cá nhân hoặc DNNVV nào. Hướng dẫn chính sách của G20 về số hóa và tính phi chính thức đã dẫn đến sự ra đời của một số hướng dẫn chính sách, đặc biệt là trong bối cảnh DNNVV hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức.

Hộp 2.1. Nhận dạng sinh trắc học kỹ thuật số - Mở rộng ngân hàng kỹ thuật số ở thị trường nông thôn

Ở Papua New Guinea, quốc gia với khoảng 85% dân số có thu nhập thấp không được tiếp cận với các dịch vụ tài chính chính thức, công cụ truy cập kỹ thuật số của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) thông qua dự án ID sinh trắc học đang hỗ trợ MiBank và Ngân hàng phụ nữ Microbank cung cấp các dịch vụ tài chính cho những người có thu nhập thấp và khó khăn về tài chính ở vùng sâu vùng xa.

- ID sinh trắc học cho phép mọi người xác minh các thuộc tính cá nhân như tên, giới tính và sinh trắc học để truy cập các dịch vụ tài chính một cách an toàn và bảo mật. Điều đó sẽ hỗ trợ tích cực trong việc thiết lập thông tin khách hàng, rất quan trọng để tiếp cận các dịch vụ tài chính.

- Công cụ sử dụng thẻ thông minh trên điện thoại di động Android tiêu chuẩn.

- Công cụ truy cập kỹ thuật số dựa trên thẻ thông minh hoạt động mà không cần nguồn điện và Internet, yếu tố quan trọng để tiếp cận những người không có tài khoản ngân hàng ở các vùng xa xôi.

Nguồn: ADB (2019). Tương lai của tài chính toàn diện. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/643831/3rd-asia-finance-forum-conference-proceedings.pdf>

Các bộ phận chính của cơ sở hạ tầng thanh toán kỹ thuật số bao gồm hệ thống thanh toán bù trừ (clearing house) tự động, bộ chuyển thanh toán (payment switch) và hệ thống thanh toán giá trị lớn và thanh toán bán lẻ. Ngoài ra, còn bao gồm các hệ thống thông tin và chia sẻ dữ liệu nhất định như văn phòng báo cáo tín dụng và hệ thống đăng ký tài sản thế chấp. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng cấp tổ chức tài chính như hệ thống ngân hàng lõi có thể tận dụng các công nghệ đám mây để cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Dịch vụ gia công phần mềm có thể hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán gặp khó khăn khi tham gia trực tiếp vào hạ tầng thanh toán chính. Ngoài ra, các bộ chuyển thanh toán chung được sử dụng bởi các ngân hàng và tổ chức phi ngân hàng, đã được thiết lập ở một số quốc gia (ví dụ: Malaysia, Philippine và Thái Lan). Khả năng tương tác hạ

tầng giữa các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán và các tổ chức tài chính khác nhau có thể cung cấp giải pháp cho các thị trường không có nền tảng chung duy nhất (Hộp 2.2).

Cuối cùng, tất cả các hệ thống thanh toán bán lẻ cần thanh toán số dư trong các hệ thống thanh toán giá trị lớn tương ứng hoạt động bằng tiền của ngân hàng trung ương (ví dụ: thanh toán gộp theo thời gian thực). Các hệ thống này không thể thiếu để cho phép kết nối các hệ thống thanh toán bán lẻ (bao gồm cả hệ thống di động), trong nước và xuyên biên giới. Về vấn đề này, việc tiêu chuẩn hóa quốc tế thông điệp thanh toán cần được xem xét kỹ lưỡng, bao gồm ISO 20022 được áp dụng rộng rãi ở châu Á và hầu hết các nơi trên thế giới. Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng kinh tế ASEAN 2025 dự báo toàn bộ hạ tầng của thị trường tài chính lớn trong khu vực sẽ áp dụng ISO 20022 vào năm 2025.

Việc tiêu chuẩn hóa quốc tế sẽ tạo thuận lợi cho khả năng tương tác giữa các hệ thống thanh toán, đặc biệt là thanh toán xuyên biên giới và cho phép triển khai các giải pháp Fintech hiệu quả hơn. Điều này cũng sẽ mang lại lợi ích cho các phương pháp tiếp cận KYC và chống rửa tiền ở mức cao, có thể dễ dàng áp dụng cho các thanh toán trong nước cũng như xuyên biên giới (Hộp 2.3).

Các cơ quan quản lý ngày càng nhận thấy tiềm năng của các hệ thống thanh toán có thể tương tác trong việc hỗ trợ cạnh tranh thị trường và đạt được lợi thế kinh tế nhờ quy mô lớn và hiệu quả hơn bằng cách sử dụng hạ tầng hiện có. Công nghệ số cải phân tán cũng cung cấp các ứng dụng tiềm năng giúp tiếp cận nhiều hơn với tài chính chuỗi cung ứng và thương mại, hệ thống đăng ký tài sản và các phương thức theo dõi khác. Các hướng phát triển và tiêu chuẩn mới cho thanh toán tương tác xoay quanh việc sử dụng mã QR đã giúp tăng khả năng tiếp cận thanh toán cho khách hàng và DN NVV.

Đặc biệt, mã QR đã giúp một số quốc gia vượt qua các thách thức liên quan đến thiết bị đầu cuối POS truyền thống, vì chỉ cần mã QR được in và khách hàng có điện thoại thông minh. Ngoài ra, các hệ thống cho phép thanh toán nhanh truyền các thông báo thanh toán và cho phép hoạt động thanh toán diễn ra trong thời gian thực hoặc gần thời gian thực trên cơ sở 24/7, có thể đạt được mức độ chấp nhận thanh toán kỹ thuật số cao hơn nhiều. Hệ thống thanh toán đòi hỏi một số hoạt động nhất định liên quan đến thanh toán bù trừ xảy ra liên tục trong thời gian thực hoặc gần thời gian thực.

Hộp 2.2. Ví dụ về Hệ thống thanh toán tương tác ở Ấn Độ

Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI) do Tập đoàn thanh toán quốc gia Ấn Độ công bố vào năm 2016, cung cấp một khuôn khổ và giao thức dựa trên API cho phép thanh toán bán lẻ tương tác trên nền tảng di động. UPI hỗ trợ mọi nguồn tiền (tài khoản ngân hàng, ví trả trước...) và có thể được cung cấp trực tiếp bởi các ngân hàng và các tổ chức phi ngân hàng gián tiếp (ví dụ Google và Amazon). Thành viên ngân hàng trong UPI đã lên đến con số 213 vào tháng 2 (năm???) với các giao dịch đạt hơn 2,2 tỷ trong tháng. Giá trị giao dịch trong tháng đạt hơn 58 tỷ USD.

Nguồn: Bộ phận thanh toán thuộc Ngân hàng dự trữ Ấn Độ, với các số liệu được khai thác từ Công ty Thanh toán quốc gia Ấn Độ

Hộp 2.3. Khung pháp lý thanh toán kỹ thuật số của Indonesia

Theo quy định của ngân hàng trung ương, tất cả các ngân hàng, nhà khai thác mạng di động, công ty khởi nghiệp Fintech, công ty Big Tech triển khai thanh toán kỹ thuật số, đều cần có giấy phép.

Ngân hàng Indonesia phân chia các công ty thành 6 loại - nhà phát hành tiền điện tử, nhà cung cấp ví điện tử, nhà điều hành cổng thanh toán, người mua người bán, nhà cung cấp dịch vụ chuyển đổi và nhà điều hành chuyển tiền. Các công ty này đều đảm nhiệm một chức năng cụ thể trong chuỗi giá trị thanh toán kỹ thuật số.

Hai loại người dùng tiền điện tử cũng được xác định. Người dùng “đã đăng ký” được yêu cầu trải qua quy trình xác minh danh tính và thẩm định khách hàng do tổ chức phát hành đưa ra; người dùng "chưa đăng ký" chỉ cần khai tên và số điện thoại. Số dư trong tài khoản tiền điện tử được giới hạn ở mức 10 triệu Rupiah (Rp) với các giao dịch tối đa hàng tháng không quá 20 triệu Rp đối với người dùng đã đăng ký và chỉ 2 triệu Rp đối với người dùng chưa đăng ký. Người dùng chưa đăng ký cũng chỉ được phép sử dụng các dịch vụ như giao dịch tiền điện tử. Quy định cũng đưa ra các yêu cầu về số tiền thanh toán tối thiểu và đặt giới hạn về quyền sở hữu nước ngoài đối với các công ty tham gia thanh toán kỹ thuật số.

Nguồn: Kế hoạch về Hệ thống thanh toán Indonesia 2025. (2019, Jakarta). <https://www.bi.go.id/en/publikasi/sistem-pembayaran/riset/Pages/Blueprint-Sistem-Pembayaran-Indonesia-2025.aspx>

Theo Ủy ban Hệ thống thanh toán của BIS, các ngân hàng trung ương giữ nhiều vai trò, trách nhiệm và lợi ích khác nhau trong việc làm tăng tính an toàn và hiệu quả của các hệ thống thanh toán quốc gia, đặc biệt là các quy tắc quản lý hệ thống thanh toán bán lẻ, dịch vụ và công cụ thanh toán. Gần đây, nhiều ngân hàng trung ương cũng đang xem xét những mục tiêu quan trọng bao gồm khả năng tiếp cận và phạm vi bảo hiểm, bảo vệ khách hàng hiệu quả và sự tồn tại của môi trường cạnh tranh.

Các ngân hàng trung ương có thể đảm nhiệm một trong số những vai trò thanh toán bán lẻ để đáp ứng các mục tiêu sau: (i) vận hành, (ii) xúc tác và (iii) giám sát hoặc quản lý.

Ở vai trò đầu tiên, ngân hàng trung ương thường cung cấp các dịch vụ thanh toán cho một hoặc nhiều hệ thống thanh toán bán lẻ. Tại một số quốc gia, ngân hàng trung ương vận hành hệ thống thanh toán bán lẻ, do đó đóng vai trò điều hành trực tiếp.

Trong khi đó, đối với những ưu tiên cải thiện hệ thống thanh toán hoặc phát triển các dịch vụ mới và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đó, ngân hàng trung ương thường duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp dịch vụ

thanh toán khác. Ở một số quốc gia, cơ quan quản lý tiền tệ đã thành lập và thường chủ trì hội đồng thanh toán quốc gia đóng vai trò như diễn đàn để tham vấn nhiều bên liên quan.

Với vai trò giám sát các hệ thống thanh toán, ngân hàng trung ương tập trung vào tính hiệu quả và an toàn của hệ thống thanh toán. Nhiều quốc gia đang áp dụng tích cực các luật về hệ thống thanh toán quốc gia mới nhằm tăng cường giám sát pháp lý và quy định.

Hạ tầng chia sẻ dữ liệu

Khi nhiều cá nhân và DNNVV kết nối trực tuyến, họ sẽ tạo ra “dấu chân kỹ thuật số” với khối lượng dữ liệu khổng lồ. Kết nối Internet được xem là cần thiết để quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của Fintech.

Các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý ngày càng nhận thấy tầm quan trọng của việc tạo lập môi trường hỗ trợ chính sách và quy định phù hợp để trao quyền cho người dân và hỗ trợ sử dụng các dịch vụ Fintech được xây dựng dựa vào sự phong phú của nguồn dữ liệu đó.

Mặc dù cần có hạ tầng ID phù hợp để kết nối những người không có tài khoản ngân hàng vào hệ thống tài chính chính thức và hạ tầng thanh toán có thể thúc đẩy sử dụng dịch vụ, nhưng chính hạ tầng chia sẻ dữ liệu mới trao quyền cho người tiêu dùng, doanh nghiệp và hệ sinh thái Fintech rộng lớn. Hạ tầng nền tảng quan trọng này đòi hỏi phải có các quy tắc bảo vệ và quyền riêng tư dữ liệu thích hợp để xây dựng lòng tin và đảm bảo sử dụng có trách nhiệm dữ liệu của cá nhân và doanh nghiệp.

Các quốc gia đã áp dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với các chính sách và quy định chia sẻ dữ liệu, bao gồm từ các cách tiếp cận theo định hướng thị trường với ít hoặc không có quy định cho đến các luật bảo vệ dữ liệu được kiểm soát chặt chẽ như GDPR trong EU. GDPR tập trung ngăn chặn tác động bằng cách chuyển gánh nặng về quyền riêng tư và bảo mật sang các nhà cung cấp dịch vụ.

Tuy nhiên, chính sách dữ liệu ở một số quốc gia tập trung vào việc đảm bảo rằng mọi người có thể thu được lợi ích tốt nhất từ dữ liệu của họ, như ở Ấn Độ. Cách tiếp cận của Ấn Độ đã đi theo hướng khác với các cách tiếp cận hạ tầng chia sẻ dữ liệu khác (chẳng hạn như ở Trung Quốc hoặc EU).

Thay vì cho phép các nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dữ liệu mà không có sự đồng ý của khách hàng hoặc theo các quy tắc bảo mật dữ liệu nghiêm ngặt tập trung vào các hình phạt đối với nhà cung cấp, cách tiếp cận của Ấn Độ là cho phép người tiêu dùng dễ dàng truy cập dữ liệu của họ và trao cho họ quyền quyết định cách chia sẻ dữ liệu để sử dụng các dịch vụ, bao gồm các dịch vụ tài chính kỹ thuật số như tín dụng hoặc bảo hiểm.

Trong khi đó, Ngân hàng dự trữ Ấn Độ đã hỗ trợ cơ sở hạ tầng chia sẻ dữ liệu. Ngân hàng trung ương đã thiết lập một khung pháp lý cho loại hình thực thể ủy thác dữ liệu được quy định, được gọi là công ty tổng hợp tài khoản. Điều đó cho phép chia sẻ dữ liệu

trong hệ thống tài chính được quản lý với sự đồng ý của khách hàng. Hạ tầng hỗ trợ này đã cho phép chia sẻ dữ liệu giữa các lĩnh vực Fintech, ngân hàng, đầu tư, bảo hiểm và quỹ hưu trí. Dữ liệu được chia sẻ trong khuôn khổ bao trùm 18 loại thông tin tài chính trong các lĩnh vực ngân hàng, đầu tư, bảo hiểm và quỹ hưu trí.

2.2. Môi trường chính sách và ưu đãi tài chính

Mặc dù không phải là điều kiện tiên quyết để hỗ trợ phát triển Fintech, nhưng các chính sách và ưu đãi tài chính đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là trong việc thu hút các doanh nhân và nhà đầu tư, đồng thời cung cấp các ưu đãi để hỗ trợ các công ty khởi nghiệp Fintech và đẩy mạnh áp dụng các dịch vụ Fintech.

Một số quốc gia đang cố gắng thu hút những người có kỹ năng Fintech, cũng như các nhà đầu tư thông qua các chương trình thị thực. Như vậy có thể giúp các quốc gia đạt được các mục tiêu Fintech sớm hơn, cho dù quá trình phát triển các kỹ năng kỹ thuật địa phương và đầu tư kéo dài.

Nhiều công ty Fintech, đặc biệt là các công ty mới thành lập, cần phải tiếp cận nhiều chu kỳ cấp vốn khác nhau để phát triển. Mặc dù khả năng tiếp cận vốn bị hạn chế ở các thị trường mới nổi, nhưng chính phủ các nước đã cấp vốn đầu tư cùng với khu vực tư nhân và/hoặc thiết lập các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài (Hộp 10 và 11 cung cấp các ví dụ về ưu đãi).

Các chính sách tài chính cũng bao gồm các ưu đãi thuế như mang lại lợi ích thuế lãi về vốn (capital gains tax) cho các công ty khởi nghiệp Fintech hoặc nhà đầu tư của họ.

Hộp 2.4. Tài trợ phân tích dữ liệu và AI của Singapore

Cơ quan tiền tệ của Singapore đang khuyến khích các công ty đầu tư vào AI.

Quốc gia này đang hoàn trả cho các công ty tài chính và nghiên cứu (lên tới 50%–70%) đối với các dự án khai thác sức mạnh của AI và dữ liệu để xây dựng chiến lược và phân tích kinh doanh. Khoản tài trợ phân tích dữ liệu và AI trị giá 27 triệu USD có thể khuyến khích sử dụng máy học, xử lý ngôn ngữ tự nhiên hoặc phân tích văn bản, bên cạnh học sâu hoặc mạng nơ-ron cũng như phân tích dự đoán và đề xuất.

Nguồn: Liên minh tài chính toàn diện (2020)

Hộp 2.5. Ưu đãi thuế cho các công ty khởi nghiệp ở Ôxtrâyli

Ở Ôxtrâyli, ưu đãi thuế dành cho các nhà đầu tư giai đoạn đầu và Thỏa thuận mới cho các công ty hợp danh hữu hạn vốn mạo hiểm đang khuyến khích đầu tư sớm vào các công ty mới thành lập.

Các chương trình cung cấp khoản bù đắp thuế không hoàn lại 20% cho các khoản đầu tư đủ điều kiện vào các công ty hoặc quỹ đổi mới với giới hạn hàng năm là 200.000 đô la Ôxtrâyli cho mỗi nhà đầu tư.

Nguồn: Liên minh tài chính toàn diện (2020).

III. CÁC YẾU TỐ CHÍNH ĐẢM BẢO DỊCH VỤ FINTECH CÓ TRÁCH NHIỆM

3.1. Quy định ứng xử an toàn và thị trường

Các quy định nghiêm ngặt về an toàn, đặc biệt là đối với các ngân hàng, có thể đảm bảo một hệ thống tài chính mạnh mẽ và kiên cường có khả năng chống chọi hiệu quả hơn với sự bất ổn tài chính và rủi ro của hệ thống. Để đối phó với những rủi ro này, các ngân hàng cũng như bảo hiểm tiền gửi đều hướng đến các quy định thận trọng (Hộp 3.1).

Các yêu cầu bao gồm:

- Yêu cầu về vốn, đề cập đến mức vốn chủ sở hữu mà cơ quan quản lý tài chính đưa ra cho một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, thường dưới dạng tỷ lệ an toàn vốn của vốn chủ sở hữu trên tài sản rủi ro.
- Dự trữ bắt buộc, đó là tỷ lệ phần trăm tài sản cần được cất giữ dưới dạng tiền mặt và tài sản có tính thanh khoản cao có thể được sử dụng để đáp ứng nhu cầu rút tiền gửi và các nghĩa vụ khác.
- Yêu cầu về quản trị, được thiết kế để quản lý rủi ro tài chính trong kỳ hạn của tiền gửi và tiền vay, tiền tệ và các yếu tố khác liên quan đến bản chất của đầu tư.
- Các yêu cầu về báo cáo và công bố thông tin, được thiết kế để cải thiện năng lực quản trị nội bộ và giám sát bên ngoài.

Hộp 3.1. Fintech và ổn định tài chính

Mặc dù Fintech cho phép các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á đi tắt đón đầu trong lĩnh vực này, nhưng vẫn có lo ngại về rủi ro xảy đến với sự ổn định tài chính của khu vực. Các công ty Fintech mới có thể mở rộng tài chính toàn diện, tuy nhiên, việc tiếp cận nhiều hơn với tín dụng sẽ góp phần gây bất ổn tài chính nếu không được quản lý hiệu quả.

Ví dụ, tại Trung Quốc, hoạt động cho vay P2P trong nước đã phát triển đáng kể, nhưng cùng với đó là các hoạt động lừa đảo trong bối cảnh thiếu quy định. Theo ước tính, một phần ba trong tổng số những người cho vay P2P đã thất bại.

Sự phụ thuộc nhiều hơn vào các giải pháp kỹ thuật số phi tập trung trong bối cảnh đổi mới tài chính cũng đang làm tăng rủi ro hoạt động. Chẳng hạn như các rủi ro về an ninh mạng, cũng như chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố (AML-CTF). Fintech cũng có thể thúc đẩy sự lan rộng của khủng hoảng tài chính bắt nguồn từ các dòng tài chính mới xuyên biên giới. Các dòng tài chính mới bao gồm những bước tiến gần đây về chứng khoán mã hóa, trái phiếu blockchain hoặc huy động vốn từ cộng đồng xuyên biên giới.

Ngoài ra, các công ty Fintech đang bắt đầu lấn sân của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống. Như vậy, các nhà cung cấp dịch vụ tài chính muốn cạnh tranh, phải chấp nhận rủi ro.

Thiếu quy định và bảo hiểm trong các công ty Fintech và Big Tech tham gia vào

hoạt động kinh doanh tiền gửi và cho vay, khiến các công ty này giống như các ngân hàng “ngầm” (shadow bank).

Việc quản lý Fintech vẫn là thách thức vì một số lý do: (i) quy định tài chính còn hạn chế và cho phép các công ty Fintech được hưởng lợi từ sự chênh lệch pháp lý (regulatory arbitrage) và các công ty này đang đa dạng hóa sang lĩnh vực ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác nhưng ít phải tuân theo các yêu cầu về báo cáo và quy định quản lý, trong đó, giấy phép hoạt động chịu sự giám sát lỏng lẻo hơn. Ngoài ra, (ii) các cơ quan quản lý thiếu kinh nghiệm về Fintech, gây khó khăn cho việc tìm hiểu và đánh giá tác động của các quy định đến công ty Fintech; (iii) nhiều nền kinh tế mới nổi và đang phát triển vấp phải những hạn chế lớn về nguồn lực, kìm hãm những phản ứng hiệu quả đối với rủi ro Fintech; và (iv) việc tập trung vào bối cảnh tài chính trong nước làm tăng rủi ro của hoạt động kinh doanh chênh lệch giá xuyên biên giới theo quy định. Các cơ quan quản lý đã có phản ứng với những rủi ro mới này. Ví dụ, các văn phòng đổi mới và sandbox có thể giúp giải quyết khó khăn về chênh lệch giá theo quy định và thiếu kiến thức về hoạt động Fintech. Theo đó, các văn phòng đổi mới cho phép các nhà quản lý và nhà đổi mới có nhiều cơ hội kết nối và đưa ra các giải pháp khả thi.

Kết nối tích cực hơn với các công ty Fintech có thể tăng cường hiểu biết giữa các cơ quan quản lý về những xu hướng, rủi ro và ý nghĩa của quy định. Trong khi đó, những hạn chế về nguồn lực điển hình ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển có thể được giảm thiểu thông qua khuyến khích đối thoại chính sách và chia sẻ tri thức trong phạm vi rộng hơn, như thông qua Tổng quan kinh tế và Đối thoại chính sách của ASEAN+3 (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc).

Tương tự, các nền kinh tế phát triển hoặc nền tảng chính sách chia sẻ tri thức có thể định hướng các quốc gia trong việc tìm kiếm các chính sách và quy định hiệu quả. Trong khi đó, việc điều phối chia sẻ kiến thức và đối thoại chính sách trong khu vực giúp tạo ra ít chênh lệch pháp lý hơn.

Nguồn: ADB. 2019. Báo cáo Hội nhập Kinh tế Châu Á 2019/2020. Chương về hội nhập tài chính. Ma-ni-la: ADB

Tuy nhiên, quy định cần phải thay đổi theo loại hình dịch vụ tài chính và mức độ rủi ro của nó. Tuy nhiên, nếu các dịch vụ đa dạng hoặc chỉ cung cấp các dịch vụ tài chính rủi ro thấp, thì không cần phải đưa ra đầy đủ quy định về ngân hàng. Quy định này xem ra là không cân xứng và phản tác dụng trong việc phát triển ngành dịch vụ tài chính.

Điều này đặc biệt đúng với thị trường Fintech đang phát triển nhanh chóng. Ví dụ, một số dịch vụ tài chính cơ bản không gây rủi ro hệ thống đáng kể và chỉ cần một số biện pháp bảo vệ chính:

- Chuyển đổi tiền mặt thành tiền điện tử (cash-in) phụ thuộc vào việc xác thực hợp lệ tiền chuyển đổi, nhận dạng khách hàng và hệ thống ghi chép giao dịch kế toán đáng tin cậy.

- Lưu trữ tiền để được an toàn phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố như nhau, cũng như kiểm soát quyền truy cập vào nguồn tiền, khiến các quy trình quản trị, kiểm toán và KYC trở nên rất quan trọng để đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống.

- Các dịch vụ chuyển khoản và thanh toán yêu cầu chứng minh về việc chuyển tiền qua hệ thống cũng như xác thực người nhận, do đó dựa vào các giao thức kiểm soát và tin nhắn nội bộ để bảo vệ chống gian lận và lỗi hệ thống. Phòng chống tài trợ khủng bố và rửa tiền cũng có thể biện minh cho việc hạn chế số tiền được chuyển, yêu cầu lưu giữ một số hồ sơ và nhận dạng người gửi.

Mặc dù các dịch vụ tiền điện tử có thể chuyển tiền vào hệ thống ngân hàng, nhưng thường chỉ cung cấp dịch vụ chuyển tiền và thanh toán, nghĩa là rủi ro tín dụng, thị trường hoặc thanh khoản của các dịch vụ “ngân hàng” đầy đủ không phải là vấn đề. Nếu không có những rủi ro này, thì không cần phải có các quy định về an toàn. Thay vào đó, quy định ứng xử thị trường cũng đủ để cung cấp cho người tiêu dùng khả năng bảo vệ mà họ cần để tạo dựng niềm tin. Điều đó có thể đạt được thông qua các yêu cầu về tính minh bạch và công bố thông tin, các tiêu chuẩn thông tin cho khách hàng về số dư được lưu giữ và các giao dịch được thực hiện cũng như các yêu cầu kiểm toán. Do đó, việc cấp phép dễ dàng hơn, ví dụ như cho công ty phát hành tiền điện tử, sẽ phù hợp tại hầu hết các thị trường.

Đối với những tổ chức cho vay phi ngân hàng thay thế, vốn đã tăng đáng kể tín dụng cho các cá nhân và DNNVV không được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển, các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý cần lưu ý rằng những tổ chức cho vay mới và mô hình kinh doanh của họ chưa phải đối mặt với bất kỳ thử thách căng thẳng nào trong bối cảnh suy thoái kinh tế. Có nghĩa là rủi ro đối với sự ổn định tài chính trong thời kỳ suy thoái như sự suy thoái trên diện rộng được dự báo sau đại dịch COVID-19, có thể làm tăng tỷ lệ nợ quá hạn của cá nhân và DNNVV.

Ngoài ra, các cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách nên áp dụng các nguyên tắc đổi mới có trách nhiệm và khuyến khích các bên tham gia thị trường tiếp cận thông tin một cách bình đẳng. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần chú ý đến những vấn đề về phân khúc dữ liệu và khả năng một số công ty lớn giành được quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu kỹ thuật số nên chuyển khách hàng cho một nhà cung cấp dịch vụ duy nhất.

3.2. Fintech và bảo vệ người tiêu dùng

Nhu cầu của người tiêu dùng và việc chấp nhận các dịch vụ hỗ trợ Fintech chủ yếu được thúc đẩy bởi mức độ tin cậy và đề xuất giá trị của các dịch vụ này. Việc đưa ra các

hướng dẫn bảo vệ người tiêu dùng theo cách hiệu quả, bao trùm các vấn đề đặc biệt liên quan đến Fintech, có thể làm tăng lòng tin của người tiêu dùng và khuyến khích họ sử dụng các dịch vụ Fintech mới.

Trong những năm gần đây, do được bảo vệ tốt hơn trong các dịch vụ tài chính, người tiêu dùng đang có khả năng đưa ra các quyết định tài chính sáng suốt, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Các biện pháp bảo vệ này giúp người tiêu dùng được bồi thường đầy đủ, kịp thời và thỏa đáng đối với các khiếu nại. Do đó, các quy định trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng có xu hướng tập trung vào một số mục tiêu liên quan: (i) đảm bảo cho người tiêu dùng có đủ thông tin để đưa ra các quyết định tài chính sáng suốt, (ii) ngăn chặn các nhà cung cấp dịch vụ sử dụng các hành vi không công bằng và (iii) cung cấp cơ chế truy đòi để giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, khi đưa ra các biện pháp bảo vệ này, các cơ quan có thẩm quyền cần thận trọng để không đặt ra những hạn chế gây phiền toái cho các nhà cung cấp, đối với các sản phẩm tài chính mà họ cung cấp hoặc đối với các dịch vụ và kênh phân phối. Những vấn đề này trở nên quan trọng hơn khi có sự tham gia của các nhóm thu nhập thấp hoặc hoàn cảnh khó khăn, có thể chưa quen với các dịch vụ tài chính chính thức và do đó dễ bị ảnh hưởng bởi các hành vi không công bằng.

Bên cạnh đó, hành động cân bằng này đặt các cơ quan quản lý vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: bảo vệ người tiêu dùng ngay cả khi họ tìm cách tránh chi phí tuân thủ cao. Chi phí cao có nguy cơ hạn chế khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính của các nhóm dân số mục tiêu và làm suy yếu mô hình kinh doanh của các công ty cung cấp dịch vụ. Do đó, đạt được sự cân bằng phù hợp có nghĩa là phải xác định rõ cả những rủi ro và khó khăn mà người tiêu dùng phải đối mặt, cũng như các rào cản ngôn ngữ, văn hóa cũng như kiến thức và nhận thức chung về công nghệ hiện có. Tương tự, người tiêu dùng sẽ cần phải hiểu tất cả các vấn đề mà chính các nhà cung cấp Fintech gặp phải khi quản lý rủi ro và các chi phí phụ liên quan.

Ở một số khu vực pháp lý, các cơ quan quản lý đã hợp tác chặt chẽ với ngành công nghệ tài chính để đưa ra quy tắc đạo đức của ngành đối với các dịch vụ công nghệ tài chính có trách nhiệm, đặc biệt là tín dụng kỹ thuật số, có thể bổ sung hiệu quả cho hoạt động giám sát theo quy định của ngành. Chẳng hạn, Cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia (OJK) đã phối hợp với Hiệp hội cho vay FinTech của Indonesia (AFPI) để đóng vai trò hỗ trợ hoạt động cho vay Fintech có trách nhiệm ở trong nước. Quan trọng hơn, đơn vị này hỗ trợ giám sát hành vi ứng xử an toàn và thị trường của các nền tảng cho vay Fintech. Là một phần của AFPI, bộ quy tắc ứng xử mới về cho vay có trách nhiệm đang được triển khai mà tất cả các nền tảng cho vay Fintech phải tuân theo và sẽ được AFPI thực thi với sự hỗ trợ của OJK.

Do đó, các cơ quan quản lý cần đánh giá các dịch vụ Fintech để xác định những lỗ hổng và rủi ro đối với người tiêu dùng và DNNVV, bao gồm rủi ro trực tiếp nảy sinh từ điện thoại di động hoặc các kênh kỹ thuật số khác hoặc do sử dụng đại lý bên thứ ba hoặc

thông qua hình thức trực tuyến. Việc xác định rủi ro đòi hỏi phải đo lường tác động và khả năng xảy ra, nên sẽ phụ thuộc vào môi trường, loại hình công nghệ, nhu cầu của người tiêu dùng và các yếu tố riêng của từng thị trường.

Tầm quan trọng của thông tin đầy đủ và phù hợp

Cần yêu cầu các nhà cung cấp Fintech đảm bảo rằng tất cả khách hàng của họ được cung cấp thông tin chính xác về các điều khoản và điều kiện dịch vụ, các giao dịch có thể thực hiện, tất cả các loại phí và tỷ lệ giao dịch, giới hạn giao dịch (nếu có) và các kênh phân phối. Khách hàng cũng phải luôn được quyền tiếp cận với các nhà điều hành dịch vụ khách hàng nếu có thắc mắc, trong đó, thông tin được cung cấp bằng các thuật ngữ dễ hiểu dưới dạng ngôn ngữ thường nhật của họ, cho dù là ngôn ngữ bản địa hay ngôn ngữ thiểu số, chứ không chỉ bằng ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ tài chính.

Các yếu tố rủi ro khác cần được xem xét khi cơ quan quản lý chuẩn bị bảo vệ người tiêu dùng trong các dịch vụ Fintech, bao gồm:

- rủi ro của công nghệ mới;
- rủi ro đại lý bên thứ ba;
- thách thức của các dịch vụ mới hoặc nhà cung cấp Fintech mới;
- mối quan tâm về quyền riêng tư dữ liệu của người dùng;
- thuê ngoài các nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba.

Khi các cơ quan quản lý xây dựng các chính sách và quy định bảo vệ người tiêu dùng cho các nhà cung cấp Fintech, cần cân nhắc tối thiểu những vấn đề sau:

- Khung pháp lý để bảo vệ người tiêu dùng theo cách tiếp cận dựa trên rủi ro phù hợp với các tiêu chuẩn thận trọng, cũng cho phép đổi mới và hướng tới mục tiêu tổng thể là tài chính toàn diện.

- Các nhà cung cấp Fintech, trong phạm vi có thể, được cấp phép hoạt động theo các quy tắc rõ ràng để bảo vệ chống lại việc nhà cung cấp công nghệ tài chính chiếm dụng tiền của người tiêu dùng, mất khả năng thanh toán, gian lận hoặc bất kỳ rủi ro nào trong hoạt động.

- Các nhà cung cấp Fintech hoạt động trên một sân chơi bình đẳng và cạnh tranh nhằm tăng hiệu quả và sự lựa chọn của người tiêu dùng.

- Các tiêu chuẩn chính xác và phù hợp cho việc công bố và minh bạch thông tin.

- Các quy tắc bảo vệ người tiêu dùng được đơn giản hóa đối với các giao dịch giá trị thấp, được định hướng bởi nguyên tắc của các chính sách dựa trên rủi ro tương ứng.

- Các nhà cung cấp Fintech chịu trách nhiệm về tất cả các dịch vụ của họ, cho dù được cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng hay gián tiếp thông qua bên thứ ba hoặc đại lý.

- Các quy tắc bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu do cơ quan quản lý thực thi.
- Kênh xử lý khiếu nại bao gồm các kênh kết nối với nhà cung cấp Fintech và các dịch vụ giải quyết khiếu nại bên ngoài, thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan chính phủ chuyên trách.
- Dữ liệu định lượng và định tính có liên quan được thu thập để cơ quan quản lý điều chỉnh các quy định bảo vệ người tiêu dùng.

Quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu

Tăng cường số hóa đang làm sâu sắc thêm dấu chân kỹ thuật số mà các cá nhân và DNNVV để lại phía sau. Việc sử dụng các dịch vụ dựa trên đám mây, giao dịch tài chính, thực hiện hoặc chấp nhận thanh toán, lướt web, sử dụng ứng dụng dành cho thiết bị di động, tương tác trên mạng xã hội, mua hoặc bán trực tuyến, đánh giá từ khách hàng, vận chuyển gói hàng hoặc lưu giữ hồ sơ trực tuyến là chỉ là ví dụ về các hoạt động tạo ra khối lượng điểm dữ liệu (data point) lớn chưa từng có, mở ra cơ hội ngày càng tăng, bao gồm cả khả năng tiếp cận tài chính nhờ sử dụng các mô hình chấm điểm tín dụng thay thế bằng phân tích nâng cao. Thông thường, nhiều người tiêu dùng và DNNVV sẽ chia sẻ dữ liệu nếu họ cho rằng việc làm đó có giá trị. Nhưng quyền truy cập dữ liệu này đặt ra các vấn đề về việc sử dụng có trách nhiệm và quyền riêng tư.

Mặc dù không phải tất cả các quốc gia đều xác định rõ luật về quyền riêng tư dữ liệu, nhưng một số quốc gia đang xây dựng luật hoặc tạm thời đang áp dụng các quy định về quyền riêng tư dữ liệu theo luật thương mại điện tử hoặc các luật khác (Hộp 13).

Nhiều nhà hoạch định chính sách đã đưa ra các khung pháp lý dựa trên GDPR năm 2016 của EU có hiệu lực vào năm 2018. Mục tiêu chính của GDPR là cung cấp cho mọi người quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân của chính họ và bằng cách thống nhất quy định trong EU để tạo ra một môi trường pháp lý đơn giản hơn cho những “người chơi quốc tế”.

Quy định nhấn mạnh một số lĩnh vực quan trọng:

- Không có dữ liệu cá nhân nào được xử lý trừ khi quá trình xử lý này được thực hiện theo một trong sáu cơ sở hợp pháp được quy định cụ thể (sự đồng thuận, hợp đồng, nhiệm vụ công, lợi ích thiết yếu, lợi ích hợp pháp hoặc yêu cầu pháp lý).
- Các quy trình kinh doanh xử lý dữ liệu cá nhân, phải được thiết kế và xây dựng trên cơ sở xem xét các nguyên tắc và cung cấp các biện pháp bảo vệ dữ liệu (ví dụ: sử dụng bút danh hoặc ẩn danh hoàn toàn cho phù hợp).
- Người kiểm soát dữ liệu phải tiết lộ rõ ràng mọi hoạt động thu thập dữ liệu, tuyên bố cơ sở hợp pháp và mục đích của việc xử lý dữ liệu, đồng thời nêu rõ thời gian lưu giữ dữ liệu và khả năng dữ liệu có thể được chia sẻ với bên thứ ba.

GDPR của EU đã trở thành hình mẫu cho nhiều luật quốc gia về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư dữ liệu, chẳng hạn như ở Trung Quốc, Nhật Bản, Philippines và Singapore

An ninh mạng

Rủi ro an ninh mạng đang gia tăng cùng với sự phát triển mạnh của Fintech; số lượng giao dịch kỹ thuật số ngày càng tăng; việc lưu trữ khối lượng lớn dữ liệu cá nhân và sự phổ biến của các sản phẩm và dịch vụ sử dụng hoặc truyền thông tin nhận dạng cá nhân hoặc thông tin nhạy cảm (ví dụ: hồ sơ tài chính, thông tin tài khoản.); và khả năng kết nối của nhiều người chơi hơn trong hệ thống tài chính.

Các nhà cung cấp Fintech mới và nhỏ đặc biệt dễ bị tổn thương trước các mối đe dọa an ninh mạng vì khả năng bảo mật của họ bị hạn chế so với các tổ chức tài chính lớn. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhỏ và người tiêu dùng cá nhân đặc biệt dễ bị ảnh hưởng vì không biết dữ liệu của họ có giá trị đối với tội phạm mạng.

Đặc biệt, còn nhiều rào cản để các công ty Fintech nhỏ và DNNVV chấp nhận an ninh mạng. Các rào cản thường liên quan đến nhận thức hạn chế, thiếu khả năng và nguồn lực, thiếu các tiêu chuẩn trong những lĩnh vực cụ thể và chưa có đủ các hướng dẫn thực hiện rõ ràng. Vì thế, cần nhắc xem xét các sáng kiến xây dựng năng lực do nhà nước tài trợ hoặc do khu vực tư nhân đồng tài trợ nhằm khắc phục tình trạng các nhà cung cấp Fintech, cũng như DNNVV thiếu nhận thức hoặc không đủ năng lực để thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu và thậm chí ngăn chặn rủi ro an ninh mạng. Những nỗ lực này nhằm mục đích nâng cao trình độ kỹ năng của lực lượng lao động hoặc khắc phục các kỹ năng lỗi thời hoặc cung cấp cho lực lượng lao động những kỹ năng mới để chuyển sang chuyên môn về an ninh mạng. Ngoài ra, nỗ lực cũng có thể liên quan đến các biện pháp cấu trúc để đào tạo lại lực lượng lao động tương lai trong các lĩnh vực này.

Hộp 3.2. Quy tắc bảo mật dữ liệu của Campuchia theo Luật Thương mại điện tử mới

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2019, Quốc hội Campuchia đã thông qua Luật Thương mại điện tử, thiết lập một số quy tắc quan trọng cũng được áp dụng cho các dịch vụ hỗ trợ Fintech và thanh toán điện tử. Luật tăng cường khả năng sử dụng chữ ký điện tử và bảo mật dữ liệu. Luật đề cập đến các biện pháp quan trọng bảo vệ người tiêu dùng, với trách nhiệm hình sự cho hành vi quấy rối trực tuyến và sử dụng trái phép quyền riêng tư dữ liệu cá nhân, thanh toán điện tử và chuyển tiền điện tử, quy tắc đối với các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán và gian lận điện tử.

Nguồn: Luật thương mại điện tử Campuchia

Ngoài ra, các nhà chức trách có thể xem xét những nỗ lực nhằm đạt được mục tiêu an ninh mạng với chi phí hợp lý, đặc biệt là các chương trình dành cho các nhà cung cấp Fintech nhỏ và DNNVV (Hộp 14). Trong khi đó, hợp tác và chia sẻ thông tin với các cơ quan quốc gia và quốc tế có thể nâng cao đáng kể khả năng của các nhà cung cấp Fintech nhỏ và DNNVV trong việc ngăn chặn các mối đe dọa an ninh mạng.

Từ góc độ quản lý, có rất nhiều khuôn khổ an ninh mạng, nhưng hầu hết đều tập trung vào phạm vi quốc gia hoặc bao trùm một lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế. Năm 2019, Liên minh tài chính toàn diện (AFI) đã công bố báo cáo cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn chính giúp các cán bộ quản lý và giám sát đưa ra các công cụ cho những người tham gia lĩnh vực tài chính để chống lại rủi ro an ninh mạng liên quan đến các công ty Fintech và tổ chức tài chính. Báo cáo phác thảo các nguyên tắc và hướng dẫn chính sau đây dành cho các cơ quan quản lý:

- Thiết lập và duy trì khuôn khổ an ninh mạng để hướng dẫn các công ty Fintech, tổ chức tài chính và nhà cung cấp giải pháp kỹ thuật số. Khuôn khổ này cần phải có quy mô phù hợp với công ty được đề cập và những rủi ro mà khách hàng của họ gặp phải.
- Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính, công ty Fintech và các công ty cung cấp giải pháp kỹ thuật số.
- Đảm bảo hợp tác với nhiều cơ quan quốc gia hoạt động trong lĩnh vực an ninh mạng và thông báo cho họ về các mối đe dọa và sự cố.
- Khi nhà cung cấp dịch vụ tài chính hoặc công ty Fintech gặp lỗi an ninh mạng, dẫn đến vi phạm dữ liệu hoặc cơ quan giám sát nhận được báo cáo về gian lận, các cơ quan quản lý cần xem xét mối đe dọa an ninh mạng và cảnh báo cho những người khác cũng dễ bị tấn công.

Hộp 3.3. An ninh mạng cho DNNVV ở EU

Quan hệ đối tác công - tư trong EU đang giúp DNNVV áp dụng các thông lệ tốt trong việc giải quyết rủi ro an ninh mạng. Chẳng hạn, Chương trình an ninh mạng cho DNNVV ở EU được công bố vào năm 2016 với sự hợp tác giữa chính phủ các nước EU, các công ty công nghệ hàng đầu và các nhà nghiên cứu để giúp DNNVV giải quyết những vấn đề về an ninh mạng. Mục tiêu của chương trình là:

- Phát triển các giải pháp an ninh mạng chất lượng cao cho DNNVV với ngân sách hạn chế.
- Cung cấp hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho DNNVV, cũng như tất cả người lao động.

Bộ công cụ an ninh mạng hiệu quả về chi phí đang được phát triển, sẽ hỗ trợ DNNVV quản lý các mối đe dọa và rủi ro bảo mật thông tin mạng, đồng thời xác định các cơ hội để triển khai các công nghệ mới và an toàn.

Nguồn: Liên minh DNNVV kỹ thuật số và Tổ chức An ninh mạng châu Âu (2017)

IV. CHÍNH SÁCH FINTECH CỦA MỘT SỐ NƯỚC ASEAN VÀ VIỆT NAM

4.1. Chính sách Fintech của một số nước ASEAN

Như đã đề cập ở trên, ba cách tiếp cận chính sách và môi trường pháp lý có thể hỗ trợ Fintech, bao gồm: (i) các luật và chính sách hỗ trợ, (ii) điều tiết các công nghệ hỗ trợ Fintech và (iii) điều tiết các hoạt động Fintech cụ thể.

Cách tiếp cận đầu tiên liên quan đến các sáng kiến chính sách hỗ trợ như các sáng kiến về nhận dạng quốc gia; chia sẻ dữ liệu; quyền riêng tư và luật bảo vệ; các chính sách và quy định về xác minh khách hàng điện tử (e-KYC); quy chế ngân hàng mở; và các trung tâm đổi mới, sandbox hoặc trung tâm tăng tốc khởi nghiệp (accelerator). Cách tiếp cận thứ hai bao gồm các quy tắc hoặc hướng dẫn mới cho những người tham gia thị trường áp dụng các công nghệ như điện toán đám mây, AI, thuật toán, công nghệ sổ cái phân tán và Giao diện lập trình ứng dụng mở. Cách tiếp cận thứ ba là điều tiết các hoạt động Fintech cụ thể như cấp phép tiền điện tử, ngân hàng số, cho vay P2P, huy động vốn từ cộng đồng và các quy tắc về tài sản tiền điện tử.

Các chính sách hỗ trợ

- Hầu hết các khu vực pháp lý đã áp dụng các chính sách để tạo dựng cơ sở hạ tầng cho các dịch vụ kỹ thuật số. Các chính sách này bao gồm những cải cách cho phép các tổ chức tài chính sử dụng công nghệ kỹ thuật số để xác định và xác minh khách hàng mà không cần sự hiện diện thực tế của họ.

- Ở một số khu vực pháp lý, chẳng hạn như Malaysia và Singapore, các cơ quan chức năng đã thiết lập các nền tảng tập trung cung cấp cho người dân khóa điện tử duy nhất có thể được sử dụng để xác minh danh tính trong tất cả các loại giao dịch trong cả khu vực công và tư.

- Liên quan đến hệ thống nhận dạng kỹ thuật số, các chính sách và quy định cũng đang được sử dụng trong sinh trắc học và e-KYC để xác định khách hàng trong các giao dịch được quản lý (như mở tài khoản ngân hàng). Brunei Darussalam, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, Campuchia, Lào và Việt Nam đều đang thí điểm hệ thống ID quốc gia kỹ thuật số.

- Malaysia và Singapore cũng đã chuyển sang đưa ra quy định về việc trao đổi thông tin khách hàng giữa những chủ thể khác nhau và Philippines đã triển khai áp dụng các chính sách nghiêm ngặt về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu theo Ủy ban quyền riêng tư quốc gia.

- Ngoài ra, hầu hết các nền kinh tế thị trường tiên tiến và mới nổi đã xây dựng nhiều thỏa thuận khác nhau để thúc đẩy ứng dụng có trật tự các công nghệ mới trong ngành tài chính. Những thỏa thuận này bao gồm các trung tâm đổi mới, sandbox hoặc trung tâm tăng tốc khởi nghiệp. Brunei Darussalam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan đã ủng hộ những cách tiếp cận pháp lý thuận lợi này.

- Trong một cách tiếp cận chính sách khác, ban đầu được thúc đẩy ở EU theo Chỉ thị về Dịch vụ thanh toán đã sửa đổi, các cơ quan quản lý nhằm mục đích tăng cường cạnh tranh và đổi mới thông qua cung cấp dữ liệu ngân hàng của khách hàng cho bên thứ ba thông qua các quy định về ngân hàng mở. Các sáng kiến ngân hàng mở chú trọng đến hợp tác với khu vực tư nhân để xây dựng các tiêu chuẩn hiện cũng đang được áp dụng ở Indonesia, Malaysia, Philippine và Singapore.

- Các trung tâm đổi mới sáng tạo là nơi phổ biến nhất trong số những yếu tố hỗ trợ này. Các trung tâm này hỗ trợ và định hướng cho các nhà cung cấp Fintech để họ hiểu rõ hơn về các yêu cầu quy định. Một số khu vực pháp lý cũng đã đưa ra các phương pháp thử nghiệm và học hỏi hoặc sử dụng sandbox cho phép đánh giá các rủi ro liên quan đến các mô hình kinh doanh mới trong một môi trường được kiểm soát. Cho đến nay, các phương pháp tiếp cận thử nghiệm và học hỏi (được khởi xướng ở Philippine) và sandbox ở Malaysia, Singapore và Thái Lan chủ yếu được sử dụng để đánh giá liệu người tiêu dùng có được bảo vệ đầy đủ khi sử dụng các ứng dụng, sản phẩm hoặc dịch vụ mới hay không.

Các cách tiếp cận về tiêu chí chấp nhận dự án, tham số thử nghiệm, quy trình ứng dụng và chiến lược rút lui có sự khác biệt. Trong một số trường hợp, kết quả cuối cùng chỉ đơn giản là cho phép tiếp tục cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ đã thử nghiệm, trong khi những trường hợp khác cũng có thể là điều chỉnh hoặc làm rõ chính thức các yêu cầu quy định hiện hành. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý tài chính nên thận trọng khi tham gia trực tiếp quá nhiều vào việc hỗ trợ các công ty hoặc dịch vụ Fintech riêng lẻ để tránh xung đột lợi ích. Hầu hết tất cả các cơ quan quản lý tại các quốc gia ASEAN đều có các trung tâm đổi mới tích cực và sandbox.

Điều tiết việc sử dụng các công nghệ hỗ trợ

- Một số khu vực pháp lý đã chuyển sang giải quyết cả tác động tích cực và rủi ro của những đổi mới cụ thể. Các chính sách hỗ trợ bao gồm các chính sách tạo thuận lợi cho việc sử dụng các giao diện lập trình ứng dụng mở, thúc đẩy phát triển ngân hàng mở. Đặc biệt, Singapore đã áp dụng các chính sách này với các tiêu chuẩn triển khai tương tự hiện đã được xây dựng ở Indonesia, Malaysia và Philippine.

- Trong công nghệ số cái phân tán, các cơ quan quản lý ở Malaysia và Singapore đang hành động để công nghệ này có tính chắc chắn về mặt pháp lý khi xử lý các giao dịch, đặc biệt là trong việc sử dụng các hợp đồng thông minh.

- Malaysia, Philippine, Singapore và Thái Lan cũng đã cho phép các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác sử dụng điện toán đám mây, với các khuyến nghị cụ thể để kiểm soát và quản lý rủi ro công nghệ.

Hình 4.1. Các sáng kiến sandbox ở ASEAN

Sandbox hoạt động

- Thái Lan
- Malaysia
- Singapore
- Vương quốc Bru-nây
- Phillipine
- Indonesia

Sandbox được đề xuất

- Việt Nam

ASEAN = Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Nguồn: Nhóm công tác Fintech UNSGSA và CCAF. Bài học ban đầu về Đổi mới quy định để hỗ trợ Fintech toàn diện (2019) và CCAF (2019).

• Ngoài ra, một số cơ quan chức năng đang giải quyết các rủi ro do lạm dụng AI và các thuật toán học máy như trong bảo lãnh tín dụng hoặc bảo hiểm.

Cục tiền tệ Singapore đã công bố hướng dẫn liệt kê các rủi ro tiềm ẩn phát sinh từ việc xử lý dữ liệu cá nhân không đầy đủ, quản trị kém, thiếu minh bạch và hành vi phi đạo đức. Đơn vị này cũng đã ban hành các nguyên tắc cấp cao để các công ty tuân theo.

Điều tiết các hoạt động Fintech cụ thể

• Cấp phép hoạt động ngân hàng vẫn được yêu cầu để thực hiện bất kỳ hoạt động nào có rủi ro lớn liên quan đến chuyển đổi các quỹ huy động từ cộng đồng. Tuy nhiên, khi các tổ chức tài chính phi ngân hàng được phép huy động tiền mặt từ cộng đồng, thường là cho các dịch vụ thanh toán, họ phải đối mặt với các hạn chế để bảo vệ tiền của khách hàng. Các ví dụ bao gồm khối lượng tối đa hoặc phạm vi thanh khoản dồi dào, chẳng hạn như yêu cầu dự trữ 100% đối với số dư khách hàng chưa thanh toán tại hầu hết các quốc gia, bao gồm tất cả các quốc gia trong ASEAN, ngoại trừ Lào và Brunei Darussalam.

• Ngân hàng số là lĩnh vực tương đối mới, phát triển nhanh chóng trên khắp ASEAN, đặc biệt là ở Malaysia, Phillipine và Singapore.

• Các yêu cầu cấp phép và thực hiện kinh doanh cụ thể đã được thiết lập cho các hoạt động như phát hành tiền điện tử; cung cấp dịch vụ thanh toán, huy động vốn từ cộng đồng, P2P, cho vay trên thị trường; và việc sử dụng các đại lý ngân hàng và phi ngân hàng, đặc biệt là ở Indonesia và Malaysia.

Trong hầu hết trường hợp, các yêu cầu pháp lý tập trung bảo vệ người tiêu dùng và nhà đầu tư, đặc biệt là bảo vệ tiền của khách hàng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố cũng như khả năng phục hồi hoạt động.

• Các quy định về tài sản tiền điện tử và hiện tại là tài sản ảo giữa các khu vực pháp lý có sự khác nhau rõ rệt. Tuy nhiên, hướng dẫn mới của FATF không hoàn toàn rõ ràng

và sẽ được thực thi. Tất cả các khu vực pháp lý yêu cầu hoạt động của tài sản ảo, bao gồm trao đổi tài sản tiền điện tử, phải được đăng ký hoặc cấp phép, cũng như cần được tích cực giám sát và theo dõi. Tài sản ảo đã được gia tăng sử dụng ở Malaysia, Philippine, Singapore và Thái Lan, đặc biệt là phát hành tiền ảo. Các cơ quan quản lý đã phải đưa ra quy định cụ thể hoặc sửa đổi quy định hiện hành để giám sát các hoạt động này và hiện tuân thủ hướng dẫn mới của FATF. Các công cụ giám sát mới cho phép giám sát các sàn giao dịch tiền điện tử đang được các cơ quan quản lý tích cực triển khai ở tất cả các thị trường cho phép các sàn giao dịch này hoạt động.

Trên toàn cầu, các chính sách Fintech cũng nhằm giảm thiểu phạm vi chênh lệch giá theo quy định và đặc biệt quan trọng ở những thị trường có nhiều cơ quan quản lý tài chính. Hầu hết các nhà hoạch định chính sách đều nhận ra rằng các công nghệ mới có thể giúp những người chơi mới thực hiện các hoạt động mà trước đây chỉ được thực hiện bởi các tổ chức được quản lý chặt chẽ.

4.2. Chính sách Fintech của Việt Nam

Mặc dù lĩnh vực Fintech tại Việt Nam đang trong giai đoạn đầu phát triển, song lĩnh vực này đã nhận được sự quan tâm và sự hỗ trợ tích cực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chương trình, đề án liên quan đến phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm, dịch vụ; xây dựng các mô hình kinh doanh, hệ thống thanh toán điện tử; phát triển kết cấu hạ tầng Fintech, xây dựng cổng thông tin khởi nghiệp... nhằm tạo lập, hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi để phát triển thị trường Fintech. Dưới đây là một số khung chính sách, pháp lý quan trọng mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện:

Về khung pháp lý trong lĩnh vực thanh toán

Dịch vụ ví điện tử

Ví điện tử cùng với các dịch vụ cổng thanh toán hay ví điện tử nói riêng đã chiếm lĩnh chủ yếu mảng thanh toán Fintech tại Việt Nam. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), tính đến ngày 02 tháng 07 năm 2021, đã có 43 tổ chức tài chính (TCTC) phi ngân hàng được cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó có 37 tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ví điện tử. Điều này cho thấy dịch vụ ví điện tử vẫn là một trong những lựa chọn phổ biến nhất đối với những doanh nghiệp Fintech trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam.

Liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài được phép, pháp luật Việt Nam và cam kết WTO mà Việt Nam là thành viên đều không đặt ra bất kỳ yêu cầu cụ thể nào về tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc hạn chế quyền sở hữu nước ngoài. Theo Luật Đầu tư 2020 vừa được thông qua, Việt Nam đã chuyển hướng tiếp cận thị trường từ “chọn cho” sang “chọn bỏ”. Cụ thể, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp trong nước khi xem xét các điều kiện tiếp cận thị trường cho tất cả các lĩnh vực

kinh doanh, ngoại trừ đối với những ngành, nghề được liệt kê là ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc ngành nghề bị cấm kinh doanh theo nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư 2020. Theo đó, lĩnh vực ngân hàng và các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực ngân hàng được liệt kê vào danh mục các hoạt động kinh doanh có điều kiện về tiếp cận thị trường. Do vậy, việc tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp nước ngoài trong dịch vụ trung gian thanh toán phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể theo quy định của pháp luật. Với việc pháp luật hiện hành không có đề cập về vấn đề trên, cơ quan cấp phép tại Việt Nam thường xin ý kiến từ các cơ quan cấp trên để từ đó có cơ sở cấp phép cho từng trường hợp cụ thể. Trên thực tế, một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam đã có cổ phần đáng kể thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (ví dụ như MoMo hoặc Payoo) và điều này có nghĩa là việc thành lập một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ví điện tử có đa số vốn nước ngoài hoặc thậm chí là 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam không phải là điều không khả thi.

Dưới đây là một số quy định pháp luật đáng chú ý điều chỉnh về dịch vụ ví điện tử tại Việt Nam

- Một ví điện tử buộc phải được liên kết với ít nhất một tài khoản ngân hàng (đồng Việt Nam) hoặc thẻ ghi nợ được phát hành tại ngân hàng thương mại được phép. Gần đây, một hình thức ví điện tử khác, cụ thể là tiền di động (mobile money) đã được hợp pháp hóa thông qua chương trình thí điểm cho phép người không có tài khoản ngân hàng có thể thông qua việc nạp tiền vào tài khoản ví tiền thông (thay vì sử dụng tài khoản ngân hàng) để thanh toán cho các hàng hóa và dịch vụ có giá trị thấp. Tuy nhiên, tiền di động chỉ được cung cấp thông qua các nhà khai thác mạng di động.

- Số tiền trong ví điện tử có thể được sử dụng để thanh toán cho việc mua các hàng hóa hoặc sử dụng các dịch vụ hợp pháp. Pháp luật không xác định thể nào được xem là “hợp pháp” dù có quan điểm cho rằng việc thanh toán cho bất kỳ hàng hóa và dịch vụ hợp pháp nào đều cũng có thể được chấp thuận. Tuy vậy, ví điện tử thường được sử dụng để thanh toán cho các hàng hóa và dịch vụ trong lãnh thổ Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt có liên quan đến việc cá nhân thanh toán dịch vụ ở nước ngoài thông qua nền tảng thương mại điện tử thì hầu hết sẽ phụ thuộc vào chấp thuận riêng của NHNN.

- Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử không được phép cấp tín dụng cho khách hàng sử dụng ví điện tử, trả lãi cho số dư trong ví điện tử hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào dẫn đến làm tăng giá trị tiền tệ của số tiền mà khách hàng đã nạp vào tài khoản.

- Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử phải có vốn điều lệ tối thiểu là 50 tỷ đồng (xấp xỉ khoảng 2,2 triệu USD) khi thành lập.

- Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở và duy trì tài khoản đảm bảo thanh toán được dùng để giữ tiền của khách hàng sử dụng ví tại ngân hàng được phép và số dư trên các tài khoản đảm bảo thanh toán phải được duy trì không thấp hơn so với tổng

số dư tất cả các tài khoản ví điện tử của khách hàng tại cùng một thời điểm.

Thanh toán xuyên biên giới B2B

Việc xử lý chậm trễ cũng như thủ tục phức tạp liên quan đến quá trình thanh toán xuyên biên giới giữa các doanh nghiệp với nhau đã khiến khu vực dịch vụ này trở thành một mảnh đất màu mỡ thu hút các doanh nghiệp Fintech. Tuy nhiên, do các yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm soát ngoại hối, chưa có doanh nghiệp Fintech nào thành công trong việc cung cấp dịch vụ thanh toán xuyên biên giới B2B.

Theo Pháp lệnh Ngoại hối, mọi giao dịch thanh toán và chuyển tiền liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thông qua một tổ chức tín dụng được phép. Về mặt định nghĩa, tổ chức tín dụng cũng có thể bao gồm cả các TCTC phi ngân hàng. Tuy vậy, đối với dịch vụ thanh toán qua tài khoản (trong đó bao gồm chuyển khoản ngân hàng), pháp luật chỉ cho phép các ngân hàng thực hiện. Chính vì vậy, có thể hiểu ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng duy nhất được phép thực hiện thanh toán qua biên giới dưới hình thức B2B.

Về khung pháp lý trong lĩnh vực gọi vốn cộng đồng

Gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay (Cho vay ngang hàng và tài trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa)

Tại Việt Nam, hiện tại, gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay nói riêng và gọi vốn cộng đồng nói chung chưa được pháp luật điều chỉnh một cách cụ thể. Thực tế, vào năm 2016, dự thảo Luật Hỗ trợ DNNVV, thông qua sự vận động bởi một số bên liên quan, đã đưa ra các điều khoản cơ bản điều chỉnh 3 trong số 5 hình thức gọi vốn cộng đồng, bao gồm hình thức cho vay, nhận quà tri ân và góp vốn cổ phần. Tuy nhiên, dự thảo này chưa từng được thông qua chính thức vì các nhà làm luật cho rằng với quy mô gọi vốn cộng đồng còn tương đối nhỏ trên thị trường tại thời điểm đó, việc bổ sung các quy định điều chỉnh về gọi vốn cộng đồng là chưa cần thiết.

Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, cho vay là một trong những hoạt động ngân hàng cơ bản và được NHNN giám sát, quản lý chặt chẽ. Nói cách khác, pháp luật cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được thực hiện hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, mối quan hệ cho vay giữa bên cho vay là cá nhân và người đi vay được thiết lập thông qua nền tảng hoạt động này có khả năng được xem là một giao dịch dân sự thông thường và do đó nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Trên thực tế, cách điều này đã được khẳng định bởi NHNN. Như vậy, quan hệ cho vay được tạo ra thông qua một nền tảng giao dịch trung gian là đối tượng điều chỉnh của Bộ luật Dân sự 2015 và được tiến hành tự do bởi các bên mà không có bất kỳ giấy phép hoạt động ngân hàng nào. Trái lại, nếu xuất hiện bên cho vay là tổ chức trên các nền tảng giao dịch này, bên cho vay đó có thể được xem là đã tiến hành các hoạt động ngân hàng theo Luật Các tổ chức tín dụng 2010, và đây là một hoạt động bị cấm, trừ khi tổ chức đó được cấp giấy phép hoạt động ngân hàng có liên quan bởi NHNN.

Dù chưa có hành lang pháp lý cụ thể, gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay đang ngày càng mở rộng và phát triển mạnh mẽ. Trong dự thảo nghị định về cơ chế thử nghiệm Fintech, các nhà làm luật đã dự tính đưa hình thức cho vay ngang hàng vào một trong các đối tượng sẽ được thử nghiệm theo cơ chế sandbox. Do đó, các doanh nghiệp Fintech hoạt động trong lĩnh vực này được khuyến khích đăng ký thực hiện theo cơ chế sandbox nhằm tạo ra một sự yên tâm về mặt pháp lý khi triển khai mô hình cho vay ngang hàng ở Việt Nam.

Gọi vốn cộng đồng dưới hình thức góp vốn cổ phần

Tương tự như gọi vốn cộng đồng dưới hình thức cho vay, pháp luật hiện hành vẫn chưa có khung pháp lý điều chỉnh hoạt động gọi vốn cộng đồng dưới hình thức góp vốn cổ phần. Với việc thiếu các quy định pháp lý cụ thể, hình thức gọi vốn này thường được dẫn chiếu về các quy định của pháp luật chứng khoán và từ đó xem xét liệu nó có thể được điều chỉnh bởi các quy định này dưới dạng một thị trường ngách của thị trường chứng khoán hay không. Câu hỏi này trở thành vấn đề trọng tâm trong nghiên cứu tính khả thi pháp lý của bất kỳ doanh nghiệp nào trước khi quyết định tham gia vào bất kỳ thị trường nào tại bất kỳ quốc gia nào mà không chỉ tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, “chào bán chứng khoán ra công chúng” là một khái niệm pháp lý được đề cập tại Luật Chứng khoán 2019. Theo đó, bất kỳ phương thức chào bán chứng khoán nào sau đây sẽ được xem là chào bán ra công chúng, (i) Chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng; (ii) Chào bán cho từ 100 nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc (iii) Chào bán cho các nhà đầu tư không xác định. Trong đó 2 hình thức đầu tiên khá rõ ràng. Tuy nhiên, quy định đối với hình thức cuối cùng có thể dẫn đến các cách giải thích khác nhau. Ví dụ, vẫn chưa rõ liệu cụm từ “không xác định” đề cập đến tính chất của loại chứng khoán được chào bán hay danh tính của người được chào bán hay là cả hai. Mặt khác, khi xét đến khái niệm chào bán riêng lẻ theo Luật Chứng khoán 2019, chào bán riêng lẻ được định nghĩa là chào bán chứng khoán không được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng miễn là nó thuộc một trong hai hình thức sau: (i) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc (ii) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Kết hợp khái niệm này với khái niệm chào bán công khai, có thể thấy rằng nếu một tổ chức phát hành chứng khoán của mình thông qua nền tảng gọi vốn cộng đồng cho 99 nhà đầu tư không xác định, hoạt động này có thể vừa được xem là chào bán công khai theo Điều 4.19 của Luật Chứng khoán 2019 hoặc chào bán riêng lẻ theo Điều 4.20 luật này. Trong trường hợp được xem là chào bán công khai, tổ chức phát hành sẽ phải tuân theo các yêu cầu phức tạp và khó khăn hơn trong khi đó nếu được xem là chào bán riêng lẻ thì các yêu cầu cần phải đáp ứng là tương đối đơn giản.

Bảng 4.2. So sánh giữa các luật, chính sách và quy định của ASEAN

	Cấp phép tiền điện tử	Ngân hàng số	Ngân hàng mở	P2P và cho vay thị trường	Huy động vốn từ cộng đồng vốn chủ sở hữu	Tài sản tiền điện tử	API mở	Công nghệ số cải phân tán	e-KYC	Điện toán đám mây v	AI và thuật toán	ID quốc gia	Chia sẻ, bảo mật và bảo vệ dữ liệu	Trung tâm đổi mới, tăng tốc khởi nghiệp và sandbox
Brunei Darussalam	+	-	x	+	+	-	x	x	+	-	-	x	x	+
Campuchia	+	-	-	x	+	+	+	x	x	x	+	x	x	x
Indonesia	+	+	x	+	+	+	x	x	x	x	x	x	x	+
Lào	-	-	-	-	-	-	-	-	x	-	-	x	-	x
Malaysia	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
Philippine	+	+	+	x	+	+	x	x	+	+	-	x	+	+
Singapore	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
Thái Lan	+	+	x	+	x	+	x	+	+	+	+	x	+	+
Việt Nam	+	+	x	x	x	-	x	x	x	x	x	x	x	x

+ : Luật/quy định hoặc chính sách hiện đang được áp dụng

x : Luật/quy định hoặc chính sách đang được xây dựng hoặc dự kiến xây dựng

- : Không có luật/quy định hoặc chính sách được áp dụng

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, thị trường Fintech tại Việt Nam đã có những bước phát triển rất mạnh mẽ cả về mặt số lượng, sự đa dạng trong sản phẩm, dịch vụ và thu hút vốn đầu tư. Fintech xuất hiện tại Việt Nam từ năm 2017, nhưng phải đến năm 2020, đặc biệt là năm 2021, thị trường mới chứng kiến sự phát triển cả về lượng và chất của các công ty khởi nghiệp Fintech. Theo nghiên cứu của Solidiance - Công ty tư vấn chiến lược hàng đầu, thị trường Fintech Việt Nam đạt 4,4 tỷ USD giá trị giao dịch vào năm 2017 và đạt khoảng 7,8 tỷ USD vào năm 2020, tương đương với mức tăng 77% trong vòng 03 năm. Số lượng các công ty Fintech tại Việt Nam cũng tăng lên nhanh chóng. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cũng như Báo cáo thị trường Fintech Việt Nam 2021, số lượng công ty Fintech đã tăng lên 4 lần, từ 39 công ty vào cuối năm 2015 lên đến hơn 154 công ty vào cuối năm 2021. Trong số các công ty Fintech tại Việt Nam, có khoảng 70% là công ty khởi nghiệp. Năm 2021 đã chứng kiến những bước tiến nhảy vọt của thị trường Fintech Việt Nam khi nền kinh tế Internet đạt giá trị 21 tỷ USD, đứng ở vị trí 14/50 ở khu vực châu Á và vị trí 70 trên bảng xếp hạng toàn cầu

Khảo sát của MasOffer Fintech (2021) - nền tảng Affiliate Marketing hàng đầu Việt Nam, cho thấy, trong số 154 công ty hoạt động trong lĩnh vực Fintech tại Việt Nam vào cuối năm 2021, có 37 công ty hoạt động trong mảng thanh toán, 22 công ty hoạt động trong lĩnh vực cho vay ngang hàng (P2P Lending), 22 công ty hoạt động về Blockchain, Crypto... Các công ty Fintech Việt Nam hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng 2 lĩnh vực được tập trung nhất là thanh toán qua ví điện tử và P2P Lending.

Báo cáo về Fintech tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của IDC Financial Insights cho biết có 5 đại diện Việt Nam trong nhóm Fintech Fast 101 (101 công ty Fintech có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong năm 2020) bao gồm Payoo và 4 ví điện tử lớn là MoMo, Moca, Tima và ZaloPay đang chiếm 92% thị phần ví điện tử của Việt Nam.

Mặc dù đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, song thị trường Fintech ở Việt Nam hiện vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển và vấp phải không ít những thách thức và khó khăn.

Về cơ chế pháp lý, Chính phủ đã có những chính sách liên quan đến việc hỗ trợ phát triển Fintech thông qua các chương trình, đề án, nhưng khuôn khổ pháp lý đối với lĩnh vực này chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng và hoàn thiện. Môi trường pháp lý đối với hoạt động Fintech chưa rõ ràng và hoàn thiện thực sự là khó khăn đối với việc phát triển hệ sinh thái Fintech. Điều này làm cho các công ty có thể có tâm lý e ngại đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới do lo ngại sự bất ổn của môi trường pháp lý.

Về điều kiện hạ tầng công nghệ, Việt Nam có nguồn lao động trẻ thuận lợi trong việc tiếp cận với lĩnh vực mới, song nền kinh tế chưa thực sự phát triển nên cơ sở hạ tầng công nghệ vẫn còn gặp nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển công

nghe hiện đại, đặc biệt là công nghệ bảo mật. Bên cạnh đó, Fintech là lĩnh vực hoạt động còn khá mới mẻ tại Việt Nam nên các doanh nghiệp Fintech sẽ gặp nhiều khó khăn về xây dựng mô hình kinh doanh, mô hình quản trị cũng như hoạch định chiến lược phát triển trung - dài hạn. Hơn nữa, các doanh nghiệp hoạt động trong điều kiện hạ tầng công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế nên các doanh nghiệp này sẽ gặp không ít khó khăn để có thể phát triển bền vững trong dài hạn.

Về nguồn nhân lực, yếu tố con người là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc phát triển thị trường Fintech. Tình trạng khan hiếm nguồn nhân lực trong lĩnh vực Fintech đang là thách thức lớn đối với Việt Nam. Theo kết quả điều tra của Viện Nhân lực Ngân hàng (Vietnambanker), tại Việt Nam, nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn về tài chính ngân hàng chiếm số lượng rất lớn (trên 90%) nhưng kỹ năng về công nghệ thông tin (IT) rất kém và kỹ năng về ngoại ngữ cũng không thành thạo. Các kỹ sư công nghệ thường giỏi về IT nhưng không có kiến thức chuyên sâu về tài chính, do vậy việc lập trình ứng dụng cho các sản phẩm, dịch vụ Fintech sẽ gặp nhiều trở ngại. Chính vì vậy, ngành Ngân hàng hiện nay đang phải đối mặt với xu hướng thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong các lĩnh vực chuyên sâu gắn với công nghệ, trong khi đó, nguồn nhân lực được đào tạo trong nước chưa thể đáp ứng được nhu cầu thị trường do các chương trình đào tạo chuyên ngành Fintech tại các trường đại học ở Việt Nam còn khá ít.

Fintech mang lại nhiều lợi ích cho người dùng cá nhân, chính phủ và doanh nghiệp và đặc biệt hữu ích trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện. Tuy nhiên, để xây dựng một hệ sinh thái Fintech toàn diện và có trách nhiệm, Việt Nam cần có sự kết hợp chặt chẽ các chính sách và quy định hỗ trợ, cụ thể:

Về khung pháp lý. Đảm bảo khung pháp lý phù hợp rất quan trọng đối với môi trường hỗ trợ phát triển và sử dụng các dịch vụ Fintech có trách nhiệm. Khung pháp lý phải xác định cả những trở ngại đối với đổi mới và thích ứng với những rủi ro mới. Khung pháp lý cần cung cấp khả năng dự báo pháp lý để hỗ trợ đầu tư và đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng được bảo vệ, cũng như đảm bảo cơ sở pháp lý cho hợp đồng thông minh và chữ ký điện tử.

Về xây dựng năng lực quản lý/giám sát. Trước những thách thức của công nghệ mới và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính kỹ thuật số, năng lực quản lý và giám sát phải liên tục được nâng cao. Để hiểu rõ và giám sát sự phát triển của Fintech, nhiều cơ quan quản lý đã triển khai các cách tiếp cận sáng tạo, từ thành lập các văn phòng đổi mới, sử dụng cách tiếp cận thử nghiệm và học hỏi cho đến áp dụng quy định và sandbox. Khung pháp lý phù hợp cho phép giám sát các nhà cung cấp dịch vụ Fintech và thực hiện hành động điều chỉnh để giải quyết các mối lo ngại về tính an toàn và hợp lý. Khung pháp lý cũng nên cung cấp khả năng bảo vệ pháp lý cho các giám sát viên. Các bộ phận giám sát nên thường xuyên đánh giá các yêu cầu về nhân sự và các kỹ năng hiện có của nhân viên và áp dụng các biện pháp để thu hẹp khoảng cách kỹ năng. Để giám sát các nhà cung cấp

Fintech, cần có các phương pháp và công cụ mới, bao gồm các công nghệ quản lý và công nghệ giám sát.

Về hạ tầng nền tảng. Các nhà hoạch định chính sách cần hiểu vai trò và mức độ phát triển của hạ tầng nền tảng trong thị trường và thu hẹp khoảng cách về hạ tầng. Ba yếu tố nền tảng thiết yếu bao gồm nhận dạng, thanh toán kỹ thuật số và hạ tầng chia sẻ dữ liệu.

- Hạ tầng nhận dạng tập trung phát triển các hệ thống nhận dạng kỹ thuật số quốc gia một cách an toàn, bảo mật và dễ tiếp cận để hỗ trợ sinh trắc học và e-KYC. Các tiêu chuẩn quốc tế cho hệ thống ID quốc gia kỹ thuật số cần được xem xét khi các quốc gia phát triển hạ tầng quan trọng này.

- Thanh toán kỹ thuật số thường là điểm khởi đầu cho các dịch vụ tài chính kỹ thuật số. Hạ tầng thanh toán toàn diện sẽ dẫn đến các dịch vụ thanh toán có thể tiếp cận bất kỳ cá nhân hoặc DNNVV nào. Hạ tầng thanh toán kỹ thuật số bao gồm trung tâm thanh toán bù trừ tự động, bộ chuyển thanh toán và hệ thống thanh toán giá trị lớn và thanh toán bán lẻ. Ngoài ra, còn chứa các hệ thống thông tin và chia sẻ dữ liệu nhất định, chẳng hạn như văn phòng báo cáo tín dụng và hệ thống đăng ký tài sản thế chấp. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng cấp tổ chức tài chính, chẳng hạn như hệ thống ngân hàng lõi khai thác công nghệ đám mây, có thể mở rộng quyền truy cập vào các dịch vụ tài chính kỹ thuật số.

- Khi các cá nhân và doanh nghiệp mở rộng sử dụng các kênh kỹ thuật số, họ tạo ra khối lượng lớn dữ liệu có thể được sử dụng để cung cấp quyền truy cập vào các sản phẩm và dịch vụ của Fintech.

Hạ tầng chia sẻ dữ liệu có thể mở rộng phạm vi dịch vụ tài chính cũng như trao quyền cho người tiêu dùng và doanh nghiệp, với các quy tắc bảo vệ và quyền riêng tư dữ liệu phù hợp để tạo niềm tin và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm.

Về các phương pháp tiếp cận chính để điều chỉnh Fintech. Các cơ quan quản lý cần bám sát những hướng phát triển mới nhất thúc đẩy các dịch vụ tài chính Fintech, bao gồm hiểu được ba cách tiếp cận quy định chính: luật và chính sách hỗ trợ Fintech, điều tiết các công nghệ hỗ trợ và điều tiết các hoạt động Fintech cụ thể.

Về ứng xử an toàn và thị trường. Hiểu những khía cạnh quan trọng của các phương pháp tiếp cận quản lý thị trường và an toàn đối với tài chính kỹ thuật số. Để bảo vệ tính ổn định của hệ thống tài chính, các cơ quan quản lý cần xử lý các rủi ro như nhau một cách công bằng; áp dụng các luật và quy định một cách cân xứng; tránh tập trung thị trường và các thông lệ không công bằng; và thúc đẩy tiêu chuẩn hóa, khả năng tương tác và kết nối với nhau một cách an toàn.

Về kiến thức tài chính kỹ thuật số. Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết về tài chính kỹ thuật số bằng cách đưa tài chính kỹ thuật số vào các chiến lược phổ cập kiến thức tài chính quốc gia. Tạo niềm tin, tính an toàn và bảo mật rất quan trọng nếu khách hàng chấp nhận các dịch vụ tài chính Fintech.

Về cạnh tranh và phối hợp. Các nhà hoạch định chính sách và cơ quan quản lý cần hỗ trợ cạnh tranh, phối hợp giữa các cơ quan quản lý và đối thoại công - tư. Hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan quản lý và giám sát cũng rất cần thiết trong việc hỗ trợ khung giám sát và quản lý hiệu quả cho tất cả các tổ chức tài chính, bao gồm các nhà cung cấp Fintech mới hoặc nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba.

Trách nhiệm quản lý và giám sát phải được phân định và phối hợp để tránh tình trạng chèn lệch pháp lý. Phối hợp và tham khảo ý kiến các cơ quan quản lý khác có thể giúp giảm bớt gánh nặng pháp lý cho các nhà cung cấp và do đó giảm chi phí tuân thủ. Sự phối hợp chặt chẽ và đối thoại thường xuyên với những người tham gia lĩnh vực Fintech, cũng sẽ cho phép các cơ quan quản lý đưa ra phản hồi pháp lý theo hướng hiệu quả hơn.

Về bảo vệ tính toàn vẹn. Các hướng dẫn bảo vệ người tiêu dùng đề cập đến những vấn đề đặc biệt liên quan đến Fintech, có thể giúp xây dựng lòng tin của người tiêu dùng, cải thiện khả năng tiếp nhận và sử dụng Fintech. Theo đó, các quy tắc ứng xử thị trường cần được áp dụng để ngăn chặn các hành vi không công bằng và đưa ra các cơ chế phù hợp để khắc phục hậu quả. Các quy định bảo vệ người tiêu dùng có xu hướng đáp ứng các mục tiêu rộng lớn như sau:

- Đảm bảo cho người tiêu dùng có đủ thông tin để đưa ra các quyết định tài chính sáng suốt.
- Ngăn chặn các hành vi không công bằng của các nhà cung cấp dịch vụ.
- Đảm bảo cho người tiêu dùng được tiếp cận các cơ chế truy đòi để giải quyết tranh chấp.

Bảo vệ người tiêu dùng trong thời đại kỹ thuật số cũng đòi hỏi các biện pháp cụ thể để đảm bảo an ninh mạng, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu. Các biện pháp bao gồm giảm thiểu rủi ro rửa tiền và tài trợ cho khủng bố mà các sản phẩm và dịch vụ Fintech mới, đặc biệt là tiền điện tử, có thể gây ra.

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asian Development Bank (ADB). 2018. *Financial Inclusion: New Measurement and Cross-Country Impact Assessment*. Economics Working Paper Series. No 539. Manila: ADB. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/408621/ewp-539-financial-inclusion.pdf>.
2. Asian Development Bank (ADB). 2022. *Fintech Policy Tool Kit for Regulators and Policy Makers in Asia and the Pacific*. March 2022.
3. Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) Secretariat. 2015. *ASEAN economic Community Blueprint 2025*. Jakarta. <https://asean.org/book/asean-economic-community-blueprint-2025/>.
4. 2018. *FinTech Credit Markets around the World: Size, Drivers and Policy Issues*. BIS Quarterly Review. September. https://www.bis.org/publ/qtrpdf/r_qt1809e.htm.
5. Bhunia, Priyankar. 2017. *World Banking Report Highlights Role of Agent Banking in Malaysia's Successful Financial Inclusion Push*. Open Gov. 27 October. <https://opengovasia.com/world-bank-report-highlights-role-of-agent-banking-in-malaysias-successful-financial-inclusion-push/>.
6. Business and Human Rights Resource Centre. 2019. *Indonesia: Online Loan Sharks Intimidate and Harass Borrowers; Activists Call for Better Regulations*. 4 March
7. Committee on Payment and Settlement Systems. 2003. *Policy Issues for Central Banks in Retail Payments*. Basel: Bank for International Settlements. <https://www.bis.org/cpmi/publ/d52.pdf>.
8. *Digital SME Alliance and european CyberSecurity Organisation*. 2017. european Cybersecurity Strategy: Fostering the SME ecosystem. White paper. Brussels.
9. European Parliament. 2019. *EU Guidelines on ethics in Artificial Intelligence: Context and Implementation*. Briefing. Brussels. [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIe/2019/640163/ePRS_BRI\(2019\)640163_eN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIe/2019/640163/ePRS_BRI(2019)640163_eN.pdf).
10. *Hoạt động kinh doanh công nghệ tài chính (“Fintech”) tại Việt Nam: Tổng quan quy định pháp luật về một số lĩnh vực*, <https://kienthucphaply.com/hoat-dong-kinh-doanh-cong-nghe-tai-chinh-fintech-tai-viet-nam-tong-quan-quy-dinh-phap-luat-ve-mot-so-linh-vuc/>, 27/11/2021
11. *Phát triển Fintech: Kinh nghiệm của các quốc gia và bài học cho Việt Nam*, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/phat-trien-fintech-kinh-nghiem-cua-cac-quoc-gia-va-bai-hoc-cho-viet-nam-d30017.html>, ngày 2/6/2022.
12. *Thị trường Fintech tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức*, <https://tapchinganhang.gov.vn/thi-truong-fintech-tai-viet-nam-co-hoi-va-thach-thuc.htm>, ngày 21/7/2022.